



Có hay không một cuộc chiến tranh tiền tệ? (Phần 1) Song Hongbing - Hồ Ngọc Minh dịch

Cho đến nay, Bill Gates vẫn được giới truyền thông không ngừng ca tụng và được coi là người đàn ông giàu nhất hành tinh với khối tài sản khổng lồ. Nếu tin rằng đó là sự thật thì có nghĩa là bạn đã bị lừa dối. Bởi vì bạn sẽ chẳng bao giờ tìm thấy được bóng dáng của các ông trùm thật sự giàu có trên bảng xếp hạng những người giàu nhất hành tinh này, còn giới truyền thông phương Tây thì đã bị những thế lực “vô hình” của các ông trùm kia khóa miệng. Cho đến ngày nay, gia tộc Rothschild vẫn theo đuổi ngành ngân hàng, nhưng nếu bắt chợt hỏi 100 người dân ở Bắc Kinh hay Thượng Hải, bạn sẽ thấy rằng, có đến 99 người biết rất rõ về Ngân hàng Hoa Kỳ trong khi chẳng một ai biết được ngân hàng Rothschild là ngân hàng nào. Rốt cuộc, vậy ai là Rothschild? Nếu một người làm việc trong ngành tài chính mà chưa từng nghe đến cái tên Rothschild thì chẳng khác nào một người lính không biết Napoleon, sinh viên ngành vật lý không biết Einstein là ai vậy. Cái tên Rothschild hết sức xa lạ đối với đa số người dân Trung Quốc (cũng như với người Việt Nam), tuy nhiên, gia tộc này có một sức ảnh hưởng rất lớn đối với quá khứ, hiện tại và tương lai của người dân Trung Quốc cũng như người dân khắp nơi trên thế giới. Thông qua sự đối lập giữa tầm ảnh hưởng và mức độ nổi tiếng của gia tộc Rothschild đối với thế giới hiện tại, ta có thể thấy khả năng giấu mình của dòng họ này cao siêu đến mức nào. Rốt cuộc thì dòng họ Rothschild có bao nhiêu tài sản? Đây vẫn là điều bí mật của thế giới. Theo tính toán sơ bộ thì con số đó là vào khoảng 500 tỉ USD! Vậy bằng cách nào mà dòng họ Rothschild đã kiếm được khoản tài sản khổng lồ như vậy? Đây là câu chuyện mà cuốn “Chiến tranh tiền tệ” sẽ giải bày cùng bạn.

CUỘC CHIẾN TRĂM NĂM GIỮA NGÂN HÀNG QUỐC TẾ VÀ TỔNG THỐNG HOA KỲ

Tôi có hai kẻ thù chính: quân đội miền nam trước mặt tôi và cơ cấu tiền tệ sau lưng tôi. Trong hai thế lực này, sự uy hiếp của kẻ đứng sau lưng mới là lớn

nhất. Tôi nhìn thấy một nguy cơ trong tương lai đang đến gần chúng ta, khiến chúng ta lo sợ cho sự an nguy của đất nước. Sức mạnh của đồng tiền sẽ tiếp tục thống trị và làm tổn thương đến người dân, và đến khi những đồng tiền cuối cùng tích tụ lại trong tay một số kẻ thì đất nước của chúng ta sẽ bị phá hủy. Hiện giờ tôi lo lắng cho tương lai của đất nước hơn bất cứ lúc nào, thậm chí còn hơn cả trong tình huống chiến tranh. ^[1]

Lincoln, Tổng thống thứ 16

của Mỹ

Nếu nói lịch sử Trung Quốc được xoay quanh bởi những cuộc đấu tranh quyền lực chính trị, và nếu không hiểu được những tính toán trong lòng các bậc đế vương thì chúng ta không thể hiểu thấu được cái tinh thần cốt lõi của lịch sử Trung Quốc. Như vậy, lịch sử phương Tây phát triển từng bước theo sự tiến hóa của đồng tiền, nếu không hiểu được cơ mưu của đồng tiền thì không thể nắm được nguồn mạch của lịch sử phương Tây.

Quá trình lịch sử trưởng thành của nước Mỹ đầy rẫy những sự can thiệp và âm mưu của các thế lực quốc tế, trong đó, điều khiến người ta sợ nhất chính là sự thâm nhập và âm mưu lật đổ của các thế lực tài chính quốc tế đối với nước Mỹ, nhưng đây cũng là điều chẳng mấy ai biết.

Việc thiết kế và xây dựng chế độ dân chủ hầu như là hành động ngăn cản sự uy hiếp của các thế lực phong kiến chuyên chế, và đã thu được hiệu quả khả quan ở phương diện này, nhưng bản thân chế độ dân chủ lại không có được sức miễn dịch đáng tin cậy đối với những mầm bệnh chết người mới được sinh ra từ quyền lực của đồng tiền.

Khả năng phán đoán và phòng ngự của chế độ dân chủ mới đối với hướng tấn công chính của chiến lược thông qua việc khống chế quyền phát hành tiền tệ của ngân hàng quốc tế nhằm khống chế toàn bộ quốc gia đã xuất hiện những lỗ hổng lớn. “Tập đoàn lợi nhuận đặc thù siêu tiền tệ” và chính phủ do dân Mỹ chọn ra trong

thời gian hơn một trăm năm trước cũng như sau cuộc nội chiến bắc nam đã tiến hành những cuộc đấu tranh quyết liệt nhằm xây dựng một định chế tài chính của hệ thống ngân hàng trung ương tư hữu Mỹ. Tổng cộng đã có tất cả 7 tổng thống Mỹ, nhiều ủy viên quốc hội khác đã bỏ mạng vì cuộc chiến giữa hai thế lực này. Các nhà sử học Mỹ đã chỉ ra rằng, tỉ lệ thương vong của các tổng thống Mỹ so với thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai còn cao hơn nhiều so với tỉ lệ thương vong bình quân của một đoàn thủy quân lục chiến!

Cùng với việc mở cửa toàn diện nền tài chính của Trung Quốc, các ngân hàng quốc tế sẽ thâm nhập sâu vào hệ thống tài chính của Trung Quốc, và câu chuyện đã xảy ra cho nước Mỹ hôm qua, liệu sẽ tiếp tục tái diễn ở Trung Quốc hôm nay?

VỤ ÁM SÁT TỔNG THỐNG LINCOLN

Tối thứ sáu ngày 14 tháng 4 năm 1865, Tổng thống Lincoln đã vượt qua được cuộc nội chiến kéo dài bốn năm đầy tang tóc trong muôn vàn nguy cơ và gian khổ. Cuối cùng, năm ngày trước khi nhận được tin thắng lợi - tướng Robert Lee thống lĩnh quân đội miền nam đã đầu hàng tướng Grant của quân miền bắc – vị tổng thống đã cảm thấy đỡ căng thẳng hơn. Và trong lúc hứng chí, ông đã đến nhà hát Ford ở Washington để xem buổi biểu diễn. Vào lúc 10 giờ 15 phút, lợi dụng lúc không có cận vệ bên cạnh, một kẻ sát thủ đã lén tới cạnh Tổng thống, dùng một khẩu súng cỡ lớn nhằm thẳng vào đầu ông mà bóp cò, Lincoln bị trúng đạn đổ vật về phía trước. Sáng sớm hôm sau, Tổng thống qua đời.

Hung thủ là một diễn viên có chút tiếng tăm khi đó có tên là John Wilkes Booth. Sau khi ám sát xong Lincoln thì tay này hoảng sợ bỏ trốn, ngày 26 tháng 4 hung thủ bị bắn chết trên đường bỏ trốn. Trong xe ngựa của hung thủ, người ta đã phát hiện thấy rất nhiều thư từ viết bằng mật mã và một số vận dụng cá nhân của Juda Benjamin - Bộ trưởng Bộ chiến tranh của Chính phủ miền nam và sau này là Bộ

trường ngoại giao, một người có thực quyền về mặt tài chính ở miền nam đồng thời có mối quan hệ rất thân mật với các đại gia ngân hàng ở châu Âu. Sau đó người này đã đào tẩu sang Anh. Sự kiện Lincoln bị ám sát về sau đã được lan truyền rộng rãi và nhiều người cho rằng đây là một âm mưu có quy mô lớn. Những người tham gia trong âm mưu này có thể là các thành viên nội các của Lincoln, các ngân hàng ở New York và Philadenphia, quan chức cao cấp của Chính phủ miền nam, giới quyền lực trong ngành xuất bản báo chí và các phân tử nổi loạn ở miền bắc.

Thời đó có một giả thuyết lan truyền rộng rãi rằng, Booth không hề bị giết chết, mà là được phóng thích, còn thi thể được mai táng sau này là người đồng mưu của anh ta. Edwin Stanton - Bộ trưởng chiến tranh nắm giữ trọng quyền khi đó đã che dấu chân tướng sự việc. Thoạt nghe thì đây có vẻ là một giả thuyết hoang đường. Thế nhưng, sau khi một loạt các văn kiện bí mật của Bộ trưởng chiến tranh được giải mã vào những năm 30 của thế kỷ 20 thì các nhà sử học đã phát hiện ra một sự thật đầy kinh ngạc về cái chết của Tổng thống Lincoln, trên thực tế chẳng khác gì lời đồn thổi của thiên hạ.

Otto Eisenschiml, nhà sử học đầu tiên chuyên nghiên cứu về đề tài này đã gây chấn động cho các đồng nghiệp trên thế giới bằng những phát hiện đầy bất ngờ trong bài viết “Tại sao Lincoln bị ám sát?”. Sau đó, Theodore Roscoe đã cho công bố kết quả nghiên cứu có sức ảnh hưởng rộng rãi hơn nữa bằng cách chỉ ra rằng:

Phần lớn các nghiên cứu lịch sử của thế kỷ 19 liên quan đến việc tổng thống Lincoln bị ám sát đều miêu tả sự việc giống như một vở bi kịch điển hình của nhà hát Ford vậy ... Chỉ có một số ít nhìn nhận sự việc như là một cuộc mưu sát: Lincoln chết trong tay một tên tội phạm thô bỉ ... tội phạm phải bị trừng phạt theo pháp luật; thuyết âm mưu đã bị bóp chết; cuối cùng Đức và Mỹ đã giành được thắng lợi, Lincoln cũng đã thuộc về “quá khứ”.

Thế nhưng, việc giải thích sự kiện ám sát tổng thống vừa không khiến cho người ta hài lòng vừa khó khiến cho người ta khâm phục. Thực tế cho thấy, tên tội phạm liên quan đến cái chết của Lincoln vẫn đang nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật. [2]

Trong bài viết “Hành động ngu xuẩn” thuộc cuốn hồi ký của mình, Izola Forrester, cháu gái của tên hung thủ, đã nói rằng, bà phát hiện thấy ghi chép bí mật “Ky sĩ rập xiếc” (Knights of the Golden Circle) đã bị Chính phủ cố ý cất vào trong kho văn kiện, đồng thời bị Edwin Stanton xếp vào loại tài liệu tuyệt mật. Sau khi Lincoln bị ám sát, bất cứ ai cũng không được tiếp cận với những tài liệu này. Do mối quan hệ huyết thống giữa Izola và Booth, hơn nữa, với tư cách là một nhà văn chuyên nghiệp, cuối cùng bà đã trở thành là người đầu tiên được phép đọc những tài liệu này. Trong cuốn sách của mình, bà đã viết rằng:

Những bao tài liệu cũ kỹ thần bí này được cất giữ trong một két bảo hiểm nằm trong góc khuất giữa nơi đặt di tích của “âm mưu thâm phán” và căn phòng trưng bày. Nếu không phải là năm năm trước, khi đọc những tư liệu (ở căn phòng đó) mà tôi đã tình cờ nhìn thấy cạnh chiếc tủ, thì có thể chẳng bao giờ tôi biết chúng (tài liệu bí mật) tồn tại.

Những tài liệu ở đây có liên quan đến ông nội tôi. Tôi biết ông từng là thành viên của một tổ chức bí mật. Tổ chức này chính là “Ky sĩ rập xiếc” do Bickley sáng lập nên. Tôi có giữ một tấm ảnh của ông - bức ảnh ông chụp chung với họ, tất cả họ đều ăn mặc chỉnh tề. Bức ảnh này được phát hiện trong quyển “kinh thánh” của bà nội tôi ...tôi còn nhớ bà từng nói rằng chồng bà (Booth) là “công cụ của người khác.” [3]

“Ky sĩ rập xiếc” và các thế lực tài chính New York rốt cuộc có mối quan hệ như thế nào? Có bao nhiêu người trong chính phủ của Lincoln đã tham gia vào âm mưu ám sát Lincoln? Tại sao các nghiên cứu về cái chết của Lincoln trong suốt thời gian dài luôn lạc hướng như vậy? Cái chết của Lincoln cũng giống với cái chết của

Kennedy sau đó 100 năm, đều là sự phối hợp mang tính tổ chức trên quy mô lớn, mọi chứng cứ đều bị bịt đầu mối, mọi sự điều tra đều bị đánh lạc hướng một cách hệ thống, chân tướng của sự việc luôn được che phủ bởi một màn sương lịch sử dày đặc.

Muốn hiểu được động cơ và mưu đồ thực sự đằng sau việc Lincoln bị sát hại, chúng ta cần phải tìm hiểu sâu hơn những cuộc đối đầu trong nỗ lực không chế quyền phát hành tiền tệ của quốc gia này suốt quá trình lập quốc của Mỹ.

QUYỀN PHÁT HÀNH TIỀN TỆ VÀ CHIẾN TRANH ĐỘC LẬP CỦA NƯỚC MỸ

Trong các cuốn sách giáo khoa lịch sử phân tích nguồn cơn của cuộc chiến tranh độc lập ở Mỹ có rất nhiều các nguyên tắc và giá trị vừa toàn diện lại vừa trù tượng được đem ra phân tích và trình bày. Nhưng ở đây, chúng ta sẽ nhìn từ một góc độ khác để tìm hiểu sâu hơn bối cảnh tài chính cũng như vai trò hạt nhân của nó trong cuộc cách mạng này.

Đa số những người đến Mỹ mưu sinh sớm nhất chính là những cùng dân hết sức nghèo khổ, ngoài những hành lý đơn giản đem theo hầu như họ chẳng có tài sản hay tiền bạc gì. Thời đó, ở miền bắc Mỹ người ta vẫn chưa khám phá ra những mỏ vàng bạc lớn như sau này, cho nên nguồn tiền tệ lưu thông trên thị trường cực kỳ thiếu hụt. Thêm vào đó là tỉ lệ nhập siêu của Anh quốc đã khiến cho một lượng lớn tiền vàng bạc chảy về quốc gia của xứ sở sương mù này, và điều đó càng làm tăng thêm tình trạng thâm hụt lượng tiền lưu thông ^[4].

Phần lớn hàng hóa và dịch vụ do những người dân di cư mới của miền Bắc Mỹ làm ra từ sự lao động khổ nhọc đã không thể được trao đổi hiệu quả do thâm hụt lượng tiền lưu thông, từ đó đã gây cản trở nghiêm trọng đến bước phát triển của nền kinh tế. Để ứng phó với vấn đề nan giải này, người ta buộc phải sử dụng các loại tiền tệ thay thế khác để tiến hành mua bán hàng hóa. Chẳng hạn, các hàng hóa được chấp

nhận với mức độ cao như da và lông động vật, vỏ ốc, thuốc lá, gạo, lúa mạch, ngô được sử dụng như một loại tiền. Chỉ riêng ở miền bắc Carolina, từ năm 1715 đã có hơn 17 loại hàng hóa được dùng như tiền tệ quy định (Legal Tender), Chính phủ và người dân có thể dùng những hàng hóa này để tiến hành các hoạt động giao dịch như đóng thuế, trả nợ, mua bán dịch vụ hàng hóa. Khi đó tất cả những loại tiền tệ thay thế này đều lấy đồng bảng Anh làm tiêu chuẩn tính toán. Trong hoạt động thực tế, do giá thành, quy cách, mức độ chấp nhận và tính chất có thể lưu giữ lâu của các loại hàng hóa này khác nhau, nên rất khó cho việc đo lường theo tiêu chuẩn. Ở mức độ nào đó, chúng đã cứu vãn được tình trạng thâm hụt tiền lưu thông đang cấp bách, nhưng nó cũng đã tạo nên tình trạng thất cổ chai cho sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa.^[5]

Sự thiếu hụt tiền kim loại trong thời gian dài và sự bất tiện trong việc sử dụng các loại tiền hiện vật thay thế đã thúc đẩy Chính phủ thoát ra khỏi lối tư duy truyền thống, và bắt đầu một thử nghiệm hoàn toàn mới: dùng loại tiền giấy có tên là Colonial Scrip để in tiền – loại tiền chuẩn được pháp luật quy định thống nhất. Sự khác biệt lớn nhất giữa loại tiền giấy này so với chi phiếu ngân hàng đang lưu hành ở châu Âu chính là nó không có bất cứ khoản hiện vật vàng hay bạc nào bảo đảm mà chỉ là một loại tiền tín dụng Chính phủ. Mọi người trong xã hội đều cần phải đóng thuế cho Chính phủ, mà chỉ cần Chính phủ tiếp nhận loại tiền giấy này như bằng chứng của việc nộp thuế, thì nó đã có đầy đủ các yếu tố cơ bản để lưu thông trên thị trường.

Loại tiền mới này quả nhiên đã thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế xã hội, các giao dịch hàng hóa cũng ngày càng trở nên nhộn nhịp.

Lúc này, Adam Smith của nước Anh cũng đã chú ý đến sự thử nghiệm tiền tệ mới này của Chính phủ thuộc địa ở bắc Mỹ, và ông hiểu khá rõ vai trò kích thích to lớn đối với thương mại của loại tiền giấy này, đặc biệt là đối với khu vực bắc Mỹ đang thiếu hụt tiền kim loại. Ông cho rằng, “việc mua bán trên cơ sở tín dụng khiến cho các thương gia có thể định kỳ kết toán số dư tín dụng giữa các bên theo mỗi tháng

hoặc mỗi năm, và điều này đã giảm thiểu sự bất tiện (trong giao dịch). Một hệ thống tiền giấy được quản lý tốt không những tạo ra sự thuận tiện trong sử dụng mà còn có thể có rất nhiều ưu thế trong một số tình huống nào đó.”^[6]

Nhưng một loại tiền tệ không có thể chấp là kẻ thù tự nhiên của các ngân hàng, bởi vì nếu không có các khoản vay của Chính phủ làm thế chấp thì Chính phủ cũng không cần phải vay các khoản tiền kim loại vốn rất thiếu hụt thời bấy giờ, và như vậy, quả cân lớn nhất trên tay của các ngân hàng trong chốc lát cũng mất đi uy lực.

Trong cuộc vi hành của Benjamin Franklin đến nước Anh vào năm 1763, khi được vị chủ quản của Ngân hàng Anh hỏi về nguyên nhân phát triển thịnh vượng của thuộc địa ở châu lục mới, Franklin đã trả lời rằng: “Điều này rất đơn giản. Ở đất thuộc địa, chúng tôi phát hành tiền tệ của riêng mình, gọi là ‘chứng chỉ thuộc địa’. Chúng tôi căn cứ vào nhu cầu của thương nghiệp và công nghiệp để phát hành một lượng tiền tệ cân đối, như vậy, sản phẩm rất dễ dàng chuyển từ tay người sản xuất đến tay người tiêu dùng. Dùng phương thức này, chúng tôi tạo ra loại tiền giấy của riêng mình, đồng thời bảo đảm sức mua của nó, và (Chính phủ) của chúng tôi không cần phải trả lợi tức cho bất kỳ ai.”^[7]

Loại tiền mới này tất nhiên sẽ dẫn đến việc thuộc địa châu Mỹ thoát ly khỏi sự khống chế của ngân hàng Anh quốc.

Các ngân hàng Anh tỏ ra phẫn nộ và bắt tay nhau hành động. Nghị viện Anh dưới sự khống chế của các nhà ngân hàng đã thông qua “Đạo luật tiền tệ” (Currency Act) vào năm 1764, theo đó, Nghị viện nghiêm cấm các bang trong thuộc địa châu Mỹ in ấn và phát hành tiền giấy của riêng mình, đồng thời yêu cầu Chính phủ các nơi này phải sử dụng toàn bộ vàng và bạc để đóng những khoản thuế cho chính phủ Anh quốc.

Franklin đã miêu tả một cách đau đớn về hậu quả kinh tế nghiêm trọng do đạo luật này mang lại cho các bang ở xứ thuộc địa như sau, “chỉ trong một năm, tình hình (thuộc địa) đã hoàn toàn đảo ngược, thời kỳ phồn thịnh đã kết thúc, kinh tế suy

thoái nghiêm trọng đến mức từ đường phố cho đến bến cảng đều tràn ngập những đám người thất nghiệp.”

“Nếu như ngân hàng Anh không tước đoạt quyền phát hành tiền tệ của xứ thuộc địa, thì người dân của xứ thuộc địa sẽ vui vẻ đóng các khoản thuế trả và các sản phẩm khác. Dự luật này đã gây nên tình trạng thất nghiệp và sự bất mãn. Xứ thuộc địa không thể phát hành được tiền tệ của mình, từ đó sẽ không thể thoát khỏi sự khống chế của quốc vương George đệ tam và ngân hàng quốc tế một cách vĩnh viễn, là nguyên nhân chủ yếu gây ra cuộc chiến tranh độc lập ở Mỹ.”^[9]

Những người đặt nền móng xây dựng nên Hợp chủng quốc Hoa Kỳ có sự nhận thức tương đối sáng suốt về sự khống chế của Ngân hàng Anh đối với nền chính trị của nước Anh và sự bất công đối với người dân. Người hoàn thành bản “tuyên ngôn độc lập” Mỹ nổi tiếng khi chỉ mới 33 tuổi chính là Thomas Jefferson - Tổng thống thứ ba của nước Mỹ, người có một câu danh ngôn cảnh báo người đời rằng:

Nếu cuối cùng người dân Mỹ để cho ngân hàng tư nhân khống chế được sự phát hành tiền tệ của quốc gia thì những ngân hàng này trước hết sẽ thông qua việc tăng lạm phát triền tệ, sau đó thông qua việc thắt chặt tiền tệ để tước đoạt tài sản của người dân, cho đến một ngày, khi con cái của họ thức tỉnh, thì họ đã mất đi nhà cửa vườn tược của mình và miền đất mà cha ông họ đã từng khấn hoang khai phá.^[10]

Sau hơn 200 năm khi lắng nghe lại câu nói này của Jefferson được phát ngôn vào năm 1791, chúng ta vẫn không khỏi kinh ngạc trước sự chính xác đến kinh người trong những lời nói của ông. Ngày nay, các ngân hàng tư nhân quả nhiên đã phát hành hơn 97% lượng lưu thông tiền tệ quốc gia của Mỹ, người dân Mỹ quả nhiên cũng mắc nợ ngân hàng với khoản tiền lên đến con số thiên văn - 44.000 tỉ đô-la Mỹ - và có lẽ một ngày nào đó khi họ thức tỉnh thì cũng sẽ thấy rằng mình đã mất đi nhà cửa vườn tược và tài sản, giống như đã từng xảy ra vào năm 1929.

Khi xem xét kỹ lịch sử và tương lai, những người dẫn đường vĩ đại của Hoa Kỳ đã viết ra một cách rõ ràng trong mục 8 chương 1 Hiến pháp của nước Mỹ rằng: “Quốc hội có quyền in và quy định giá trị của đồng tiền quốc gia.”^[11]

- [1] Abraham Lincoln, Thư gửi William Elkins, 21/11/1864.
- [2] G. Edward Griffin, *Sinh vật từ đảo Jekyll (The Creature from Jekyll Island)* - American Media, Westlake Village, CA 2002, tr. 393.
- [3] Izola Forrester, *Đạo luật ngu xuẩn This (One Mad Act)* - Boston: Hale, Cushman & Flint, 1937, tr. 359.
- [4] Glyn Davis, *Lịch sử tiền tệ từ thời cổ đại đến nay (History of Money From Ancient Times to The Present Day)* - University of Wales Press 2002, tr. 458.
- [5] Sách đã dẫn, tr. 459.
- [6] Adam Smith, *Của cải của các quốc gia (Wealth of Nations)*, 1776, cuốn IV, Chương Một.
- [7] Charles G. Binderup, *Benjamin Franklin đã biến nước Anh thành một quốc gia phồn thịnh như thế nào? How Benjamin Franklin Made New England Prosperous*, 1941.
- [8] Sách đã dẫn.
- [9] Sách đã dẫn.
- [10] Năm 1787, quốc hội Hoa Kỳ họp để thông qua việc thay thế Điều khoản Liên bang bằng Hiến pháp.
- [11] Hiến pháp Mỹ, điều 1, khoản 8.

“Cuộc chiến tranh tiền tệ” đề cập đến một cuộc chiến khốc liệt, không khoan nhượng và dai dẳng giữa một nhóm nhỏ các ông trùm tài chính – đứng đầu là gia tộc Rothschild - với các thể chế tài chính kinh tế của nhiều quốc gia. Đó là một cuộc chiến mà đồng tiền là súng đạn và mức sát thương thật là ghê gớm. Nhóm tài phiệt ngân hàng này đã tạo ra một cơ chế kiểm soát nguồn cung ứng tiền tệ xuyên quốc gia, thực hiện các chính sách bơm tiền vào các nền kinh tế đang tăng trưởng để rồi chích nõ quả bong bóng kinh tế để thu lợi. Nguồn tài sản họ thu được có thể là dầu khí, bất động sản, nền công nghiệp quốc phòng, đất nông nghiệp... Tất cả có thể được quy đổi thành vàng hay tiền mặt tùy theo vận trù của họ. Kết quả là sau

mỗi lần “xén lông cừu”, các nhà tài phiệt này lại giàu có hơn, uy lực càng ngày càng được củng cố hơn trên thị trường tài chính quốc tế.”

Th.S Đinh Thế Hiển

Giám đốc Viện nghiên cứu tin học & Kinh tế ứng dụng

CHIẾN DỊCH THỨ NHẤT CỦA NGÂN HÀNG QUỐC TẾ:

NGÂN HÀNG ĐẦU TIÊN CỦA HỢP CHỮNG QUỐC HOA KỲ (1791-1811):

Tôi tin chắc rằng, sự đe dọa của tổ chức ngân hàng đối với tự do của chúng ta còn nghiêm trọng hơn uy lực quân sự của kẻ thù. Họ đã tạo ra một tầng lớp quý tộc rùng rình tiền bạc và coi thường chính phủ. Quyền phát hành tiền tệ phải được đoạt lại từ tay ngân hàng, nó phải thuộc về những người chủ thực sự của nó – nhân dân.

[12]

Thomas Jefferson 1802

Alexander Hamilton là một nhân vật có tầm ảnh hưởng quan trọng trong mối quan hệ mật thiết với dòng họ Rothschild. Sinh ra ở quần đảo Tây Ấn Độ thuộc Anh, Hamilton đến Mỹ với tên tuổi, danh tính và nơi xuất thân được giấu kín, sau đó kết hôn cùng cô con gái của một gia đình giàu có ở New York. Và theo những biên lai chuyên khoản còn lưu trữ ở bảo tàng Anh quốc, chúng ta có thể thấy rằng, Hamilton đã từng tiếp nhận sự trợ giúp của dòng họ Rothschild. [13]

Năm 1789, Hamilton đã được Tổng thống Washington bổ nhiệm làm Bộ trưởng thứ nhất Bộ tài chính, và chịu trách nhiệm về hệ thống ngân hàng trung ương của Mỹ. Năm 1790, đối mặt với những khó khăn kinh tế và khủng hoảng nợ nần sau cuộc chiến tranh độc lập, ông ta kiên quyết đề nghị quốc hội thành lập một ngân hàng trung ương tư nhân kiểu như ngân hàng Anh để phụ trách hoàn toàn việc phát hành tiền tệ. Lập luận của ông ta là: với trụ sở đặt tại Philadelphia, Ngân hàng trung ương tư nhân sẽ cho xây dựng chi nhánh của mình tại các nơi, tiền và nguồn thuế của Chính phủ cần phải đặt trong hệ thống của ngân hàng này, ngân hàng này phụ trách việc phát hành tiền tệ quốc gia để thỏa mãn nhu cầu phát triển kinh tế,

cho vay và thu lợi nhuận từ Chính phủ Mỹ. Giá trị cổ phần của ngân hàng này là 10 triệu đô-la Mỹ, trong đó tư nhân nắm giữ 80% cổ phần, 20% còn lại thuộc về Chính phủ Mỹ. Cổ đông bầu ra 20 người trong số 25 người của hội đồng quản trị, 5 người còn lại do Chính phủ bổ nhiệm.

Hamilton đại diện cho lợi ích của giai cấp thống trị tinh anh Hoa Kỳ. Ông ta từng chỉ ra rằng, “mọi xã hội đều phân chia thành đa số và thiểu số. Thiểu số xuất thân từ các gia đình danh gia vọng tộc, còn đa số chính là dân đen. Trước những rối loạn và biến động, nhóm đa số thường rất ít khả năng đưa ra được sự phán đoán và quyết định chính xác.”

Mà Jefferson thì đại diện cho lợi ích của nhân dân, đối với quan điểm của Hamilton, câu trả lời của ông là, “chúng tôi cho rằng chân lý sau đây là không cần phải chứng minh: Mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng, tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể tước đoạt được, trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.”

Liên quan đến vấn đề chế độ ngân hàng trung ương tư nhân, cả hai bên đều chĩa mũi nhọn công kích vào nhau.

Hamilton cho rằng, “nếu như không đem lợi ích và của cải của những cá nhân có tiền trong xã hội tập hợp lại với nhau thì xã hội này không thể thành công”.^[14] “Công trái quốc gia, nếu không phải là quá nhiều, thì cũng phải là hạnh phúc của quốc gia chúng ta.”^[15]

Jefferson phản pháo rằng, “Sự đe dọa của một tổ chức ngân hàng đối với tự do của chúng ta còn nghiêm trọng hơn uy lực quân sự của kẻ thù”.^[16] “Chúng ta vĩnh viễn không thể chấp nhận việc cho phép giai cấp cầm quyền tăng thêm nợ trên đầu trên cổ của nhân dân.”^[17]

Tháng 12 năm 1791, khi phương án của Hamilton được giao cho quốc hội thảo luận, ngay lập tức đã dẫn đến sự tranh luận gay gắt chưa từng có. Cuối cùng, thượng nghị viện đã thông qua phương án này với đa số phiếu ủng hộ, và cũng vượt qua hạ nghị viện với số phiếu 39/20. Lúc này, tổng thống Washington đang trong tình trạng phải xử lý khủng hoảng nợ nghiêm trọng và đã bị đẩy vào thế phân vân

cực độ. Ông đã hỏi ý kiến Jefferson và Madison - Bộ trưởng ngoại giao của Hoa Kỳ thời đó. Những người này đã chỉ rõ ràng rằng, đề án này xung đột với hiến pháp. Hiến pháp trao quyền cho quốc hội phát hành tiền tệ, nhưng quốc hội không được quyền phát hành tiền tệ cho bất cứ ngân hàng tư nhân nào. Hiềm nhiên, những phân tích này đã tác động sâu sắc đến tổng thống, thậm chí ông ta đã quyết tâm phủ nhận pháp lệnh này đến cùng.

Sau khi biết được tin tức này, Hamilton tập tức thuyết phục Washington, những sổ sách số liệu của Hamilton ở cương vị Bộ trưởng tài chính tỏ ra càng có sức thuyết phục nhiều hơn: nếu không thành lập ngân hàng trung ương để nhận sự đầu tư của nước ngoài đổ vào thì Chính phủ sẽ sụp đổ rất nhanh. Cuối cùng, những nguy cơ trước mắt đã áp đảo những suy nghĩ lâu dài cho tương lai. Ngày 25 tháng 2 năm 1792, Tổng thống Washington đã đặt bút ký trao quyền thành lập ngân hàng trung ương thứ nhất của Mỹ với thời gian hiệu lực trong 20 năm.^[18]

Các nhà tài phiệt ngân hàng quốc tế cuối cùng đã giành được thắng lợi quan trọng. Đến năm 1811, tư bản ngoại quốc đã chiếm được 7 triệu trong tổng số 10 triệu cổ phần gốc, Ngân hàng Anh và Nathan Rothschild trở thành cổ đông chủ yếu của ngân hàng trung ương Mỹ – Ngân hàng thứ nhất của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ (The First Bank of the United States)^[19]

Hamilton cuối cùng trở nên vô cùng giàu có. Ngân hàng thứ nhất sau này cùng với công ty Manhattan New York do Alan Bow thành lập đã trở thành Ngân hàng thứ nhất của phố Wall. Năm 1955, nó đã được sáp nhập với Ngân hàng Chase của Rockefeller và trở thành Ngân hàng Chase Manhattan Bank.

Chính phủ tỏ rõ khát vọng cực độ đối với tiền tài, phù hợp với mong đợi của ngân hàng trung ương tư nhân – ngân hàng đang nóng lòng trông chờ chính phủ vay nợ. Chỉ trong vòng năm năm ngắn ngủi kể từ khi ngân hàng trung ương thành lập (1791 – 1796), số nợ vay của chính phủ Mỹ đã tăng thêm 8,2 triệu USD.

Năm 1798, Jefferson đã nói một cách đầy hối tiếc rằng: “Tôi thật sự hy vọng chúng ta có thể sửa chữa, chỉnh sửa thêm cho bản hiến pháp, loại bỏ quyền vay nợ của Chính phủ”.^[20]

Sau khi trúng cử tổng thống khóa thứ ba (1801 – 1809), Tổng thống Jefferson đã nỗ lực không ngừng hòng phế bỏ Ngân hàng thứ nhất của Mỹ, và đến khi hoạt động của ngân hàng sắp mãn hạn vào năm 1811 thì sự đấu sức giữa đôi bên đã đến mức cực điểm. Hạ nghị viện đã phủ quyết đề án kéo dài thời hạn kinh doanh của ngân hàng với 65 phiếu thuận và 64 phiếu chống, còn thượng nghị viện thì ở thế giằng co 17/17. Lần này, phó tổng thống đã phá vỡ thế bế tắc bằng một phiếu phủ quyết quan trọng và một quyết định được thông qua ngày 3 tháng 3 năm 1811, theo đó, Ngân hàng thứ nhất của Mỹ phải đóng cửa.^[21]

Lúc này, Nathan Rothschild đang trấn giữ ở London, khi hay tin đã nổi trận lôi đình. Ông ta nói một cách đe dọa rằng: “Hoặc là ngân hàng (Ngân hàng thứ nhất Mỹ) được quyền kéo dài thời hạn kinh doanh, hoặc là nước Mỹ sẽ phải đối mặt với một cuộc chiến tranh tai họa nhất.” Nhưng đáp lại lời thách thức ấy của Nathan, Chính phủ Mỹ vẫn không hề đưa ra bất cứ hành động nào, Nathan lập tức đáp trả: “Hãy dạy cho những người Mỹ vô lý này một bài học, hãy đưa chúng trở về thời kỳ thuộc địa.”

Kết quả là mấy tháng sau, cuộc chiến tranh năm 1812 giữa Anh và Mỹ đã nổ ra. Cuộc chiến đã kéo dài suốt ba năm, mục đích của Rothschild là hết sức rõ ràng. Họ phải đánh cho đến khi những khoản nợ của Chính phủ Mỹ chất cao như núi, và chính phủ Mỹ rốt cuộc không thể không đầu hàng, phải nhượng bộ để cho họ được tiếp tục chi phối ngân hàng trung ương mới thôi. Kết quả là khoản nợ của Chính phủ Mỹ đã tăng vọt từ 45 triệu đô-la lên đến 127 triệu đô-la, để rồi cuối cùng, vào năm 1815, Chính phủ Mỹ cũng đã phải chịu khuất phục. Ngày 5 tháng 12 năm 1815, tổng thống Madison đã đề xuất thành lập ngân hàng trung ương thứ hai, kết quả là Ngân hàng thứ hai của nước Mỹ (The Bank of the United States) đã được khai sinh vào năm 1816 (1816 – 1832).

SỰ TRỞ LẠI CỦA NGÂN HÀNG QUỐC TẾ (1816 – 1832)

Sự chi phối của các cơ cấu ngân hàng đối với ý thức nhân dân tất yếu sẽ bị phá vỡ, nếu không thì sự chi phối này sẽ phá vỡ đất nước chúng ta.^[22]

*Thư của Jefferson gửi cho Munroe (Tổng thống thứ 5 của hoa Kỳ)
năm 1815*

Ngân hàng thứ hai của Mỹ được cấp phép kinh doanh từ những năm 20 với tổng số vốn cổ phần lên đến 35 triệu đô-la Mỹ, trong đó 80% vốn do tư nhân chiếm giữ, 20% vốn còn lại thuộc về Chính phủ^[23]. Và cũng giống như ngân hàng thứ nhất, Rothschild cũng nắm chắc quyền lực của ngân hàng thứ hai.

Năm 1828, Andrew Jackson tham gia tranh cử tổng thống. Trong một lần phát biểu trước các ngân hàng, ông đã không ngần ngại mà nói rằng:

“Các ngài là một lũ rắn độc. Tôi muốn quét sạch các ngài, nhân danh Chúa, nhất định tôi sẽ quét sạch các ngài. Nếu như người dân biết được tiền tệ và hệ thống ngân hàng của chúng tôi không minh bạch như thế nào, thì ngay trước sáng ngày mai sẽ nổ ra cuộc cách mạng.”

Khi được bầu làm tổng thống năm 1828, Andrew Jackson quyết tâm phế bỏ Ngân hàng thứ hai. Ông chỉ ra rằng: “nếu hiến pháp trao quyền cho Quốc hội phát hành tiền tệ, vậy thì hãy để cho Quốc hội thực thi quyền của mình, chứ không phải là để quốc hội trao quyền đó cho bất cứ cá nhân hay công ty nào.” Trong tổng số 11.000 nhân viên đang làm việc cho Chính phủ liên bang, ông đã cho sa thải hơn 2000 nhân viên có liên quan đến ngân hàng.

Năm 1832, Jackson tham gia tranh cử nhiệm kỳ thứ hai. Nếu ông thắng cử, thì thời gian hoạt động của ngân hàng thứ hai sẽ kết thúc trong nhiệm kỳ tiếp theo của ông vào năm 1836. Mọi người đều biết cảm tưởng của tổng thống đối với ngân hàng thứ hai, và để tránh tình trạng “đêm dài lắm mộng”, ngân hàng đã nghĩ cách để có được giấy phép kinh doanh đặc biệt kéo dài thêm 20 năm nữa trước khi diễn ra cuộc tổng tuyển cử. Đồng thời với việc này, các ngân hàng cũng đã không tiếc chi ra khoản tiền 3 triệu đô-la để ủng hộ cho quỹ tranh cử của Henry Clay - đối thủ của Tổng thống Jackson, trong khi khẩu hiệu tranh cử của Jackson là “Có Jackson thì không có ngân hàng”. Cuối cùng, Jackson đã giành thắng lợi với số phiếu áp đảo.

Đề án kéo dài thời hạn giấy phép kinh doanh ngân hàng đã được thông qua tại thượng nghị viện với số phiếu 28/20, và vượt qua cửa hạ nghị viện với số phiếu 167/85^[24]. Ý vào sự hậu thuẫn của đế quốc tài chính Rothschild hùng mạnh ở châu Âu, Biddle - chủ tịch ngân hàng thứ hai - chẳng coi Tổng thống ra gì. Trong khi thiên hạ bàn tán xôn xao rằng đề án kéo dài thời hạn kinh doanh của ngân hàng sẽ bị Jackson phủ quyết, Biddle đã lên giọng tuyên bố “Nếu ông ta phủ quyết đề án, thì tôi sẽ phủ quyết ông ta.”

Rốt cục, Jackson đã phủ quyết không chút do dự đối với đề án kéo dài thời hạn kinh doanh của ngân hàng thứ hai. Ông còn lệnh cho Bộ trưởng tài chính lập tức yêu cầu các cơ quan dự trữ của Chính phủ rút ngay các khoản tiền tiết kiệm từ tài khoản của ngân hàng thứ hai, chuyển vào các tài khoản của ngân hàng ở các bang. Ngày 8 tháng 1 năm 1835, Tổng thống Jackson đã trả xong khoản nợ cuối cùng của đất nước, đây là lần duy nhất trong lịch sử nước Mỹ, Chính phủ đã giảm khoản nợ quốc gia xuống mức 0, đồng thời còn tạo ra một khoản thặng dư trị giá 35 triệu đô-la Mỹ. Các nhà sử học đánh giá thành tựu vĩ đại này rằng “đây là vinh dự sán lạn nhất của tổng thống, cũng là sự cống hiến quan trọng nhất mà ông đã làm cho đất nước này.” Tờ *Boston Post* đã xem việc này giống như sự kiện Chúa đuổi người cho vay tiền ra khỏi thánh đường vậy.

“NGÂN HÀNG MUỐN GIẾT CHẾT TÔI, NHƯNG TÔI SẼ GIẾT CHẾT NGÂN HÀNG”

Ngày 30 tháng 1 năm 1835, Tổng thống Andrew Jackson đến Capital Hill tham dự tang lễ của một nghị sĩ quốc hội. Richard Laurence - một tay thợ sơn thất nghiệp đến từ Anh - đã lên theo Tổng thống Andrew Jackson, trong túi áo khoác của anh ta giấu sẵn hai khẩu súng đã nạp đầy đạn. Khi Tổng thống tiến vào phòng nghi thức tang lễ, Laurence vẫn còn cách Tổng thống một khoảng khá xa. Hắn nhẫn nại chờ thời cơ tốt hơn để hành động. Sau khi nghi thức kết thúc, hắn nấp vào giữa hai hàng cột, nơi mà hắn biết chắc chắn tổng thống phải đi qua. Vừa đúng lúc Tổng thống bước đến, hắn từ phía sau cột xông ra, bóp cò súng bắn thẳng vào Tổng thống trong khoảng cách chưa đầy hai mét. Nhưng rất may đạn bị lép, nên Laurence đã

không thể hạ sát được Tổng thống. Khi đó, mọi người xung quanh đều hết sức hoảng hốt. Nhưng vị tổng thống 67 tuổi này vẫn tỏ ra bình tĩnh đối mặt với tên sát thủ, và theo bản năng, ông đưa cây gậy của mình lên để tự vệ. Liền đó, tên sát thủ lại tiếp tục móc khẩu súng thứ hai ra và bóp cò, nhưng đạn vẫn bị lép. Đây là tổng thống đầu tiên của Mỹ bị ám sát, và thật may mắn là ông đã thoát chết. Thông thường, tỉ lệ cả hai khẩu súng đều lép đạn chỉ là 1/125000 mà thôi.

Tên sát nhân 32 tuổi này tự xưng là người thừa kế hợp pháp của quốc vương Anh, và hấn cho rằng, tổng thống Mỹ đã giết chết cha hấn, lại còn cự tuyệt để hấn có được một khoản tiền lớn. Sau đó, tại tòa án, chỉ sau năm phút thẩm tra, tòa đã phán quyết là tên sát nhân này mắc bệnh tâm thần, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hấn.

Từ đó về sau, bệnh tâm thần trở thành cái cớ thích hợp nhất để chạy tội của các sát thủ.

Ngày 8 tháng 1 năm 1835, Tổng thống Jackson đã trả xong khoản nợ cuối cùng của đất nước. Cuối tháng Giêng, tức là ngày 30 tháng 1, vụ ám sát xảy ra. Liên quan đến tên hung thủ Richard Laurence, Griffin đã viết trong sách của ông rằng: “Tên sát thủ này hoặc là bị bệnh tâm thần thật, hoặc là giả bệnh để hòng thoát khỏi sự trừng trị nghiêm minh của pháp luật. Sau này, hấn đã khua môi múa mép nói với người khác rằng hấn có mối quan hệ mật thiết với những người có quyền thế ở châu Âu, và hấn đã được hứa là nếu có bị bắt thì sẽ được bảo vệ.”^[21]

Ngày 8 tháng 6 năm 1845, Tổng thống Jackson qua đời. Trên bia mộ của ông chỉ có một câu nói duy nhất, “Ta đã giết được ngân hàng.”

Ngân hàng Trung ương Mỹ lại một lần nữa bị vô hiệu hóa, dẫn đến sự trả đũa nghiêm khắc của phía Anh, nước Anh lập tức đình chỉ các khoản cho vay đối với nước Mỹ, trong đó có chiêu tận thu lượng cung ứng tiền vàng của nước Mỹ. Nền tài chính của nước Anh khi đó dưới sự vận hành và thao tác của Rothschild, đã có được lượng lưu thông tiền vàng với quy mô lớn nhất. Thông qua các khoản tiền cho vay và sự vận hành của ngân hàng trung ương Mỹ, nó đã khống chế hoàn toàn việc cung ứng tiền tệ của Mỹ.

Sau khi đơn xin kéo dài thời hạn của ngân hàng thứ hai nước Mỹ bị Tổng thống phủ quyết, chủ tịch ngân hàng thứ hai đã khởi động việc “phủ quyết” đối với Tổng thống. Ngân hàng thứ hai tuyên bố lập tức thu hồi các khoản đã cho vay, đình chỉ tất cả các khoản vay mới. Các ngân hàng chủ yếu ở châu Âu do dòng họ Rothschild thao túng cũng đồng thời khống chế vòng quay lưu chuyển tiền tệ của nước Mỹ, đẩy nước Mỹ rơi vào tình thế sụt giảm lượng lưu thông tiền tệ “do con người gây ra” một cách nghiêm trọng, cuối cùng dẫn đến “cuộc khủng hoảng năm 1837”, kinh tế Mỹ rơi vào tình trạng suy thoái nghiêm trọng trong suốt hơn 5 năm, sức phá hoại của nó lớn chưa từng thấy, gây nên thời kỳ điêu tàn của nền kinh tế Mỹ kéo dài mãi đến năm 1929.

“Cuộc khủng hoảng năm 1857” tiếp sau “cuộc khủng hoảng năm 1837”, rồi cuộc khủng hoảng năm 1907 một lần nữa đã xác nhận câu nói của Rothschild: “Chỉ cần có thể khống chế việc phát hành tiền tệ của một quốc gia thì ta không cần phải quan tâm rằng ai đã đặt ra pháp luật.”

CHIẾN TUYÊN MỜI: “HỆ THỐNG TÀI CHÍNH ĐỘC LẬP”

Năm 1837, Martin P. Bran - người kế nhiệm được Tổng thống Jackson ủng hộ - tiếp quản Nhà trắng. Thách thức lớn nhất của ông là làm thế nào để khắc phục nguy cơ khủng hoảng nghiêm trọng do ngân hàng quốc tế thắt chặt nguồn cung ứng tiền. Sách lược tiên phong của ông là xây dựng “hệ thống tài chính độc lập” (Independent Treasury System), rút toàn bộ tiền tệ do Bộ tài chính kiểm soát khỏi hệ thống ngân hàng tư nhân, rồi gửi vào trong hệ thống của mình ở Bộ tài chính. Các nhà sử học gọi hành động này là “cuộc ly hôn giữa tài chính và ngân hàng”.

Khởi nguồn của “hệ thống tài chính độc lập” là khi Tổng thống Jackson phủ quyết việc kéo dài thời hạn kinh doanh của ngân hàng thứ hai của Mỹ, đồng thời ra lệnh rút toàn bộ các khoản tiền của Chính phủ khỏi hệ thống ngân hàng này, chuyển đến gửi ở ngân hàng của các bang. Ai ngờ, tránh vô dưa gặp vô dưa. Các nhà ngân hàng dùng tiền của Chính phủ làm dự trữ, sau đó phát hành tín dụng với số lượng lớn để đầu cơ. Đây là một nguyên nhân khác dẫn đến “cuộc khủng hoảng năm

1837”. Nguồn tiền của chính phủ do Martin P. Bran đề xuất phải làm sao được giải phóng khỏi hệ thống tài chính nhằm bảo vệ tiền vốn của Chính phủ đồng thời cân nhắc khả năng ngân hàng dùng tiền thuế của người dân để phát hành tín dụng với số lượng lớn tạo nên sự mất cân bằng trong nền kinh tế. Một đặc điểm khác của “hệ thống tài chính độc lập” là tất cả các khoản tiền nhập vào hệ thống tài chính cần phải được thể hiện dưới dạng vàng bạc, như vậy Chính phủ đã có được một điểm tựa để điều tiết không chế đối với lượng cung ứng tiền vàng của quốc gia nhằm không chế cuộc xung đột giữa ngân hàng châu Âu đối với việc phát hành tiền tệ của nước Mỹ. Cách suy nghĩ này có thể nói là một diệu kế nếu nhìn từ góc độ lâu dài, nhưng nếu xét về ngắn hạn thì lại có thể châm ngòi nổ cho quả bom rui ro tín dụng của rất nhiều các ngân hàng, chẳng khác nào đổ thêm dầu vào lửa trong cuộc xung đột với Ngân hàng thứ hai của Mỹ, khủng hoảng sẽ xảy ra đến mức không thể không chế được.

Trong quá trình này, Henry Clay là một nhân vật hết sức quan trọng. Ông là người kế thừa quan trọng tư tưởng Ngân hàng trung ương tư hữu của Hamilton, và là nhân vật được mến mộ của các nhà tài phiệt ngân hàng. Ông là người có tài ăn nói, lối suy nghĩ chặt chẽ, và có sức lôi cuốn. Ông đã tụ hội được bên mình một nhóm các nghị sĩ ủng hộ ngân hàng và được các ngân hàng ủng hộ. Ông đã thành lập đảng Whig (tiền thân của đảng tự do Anh) – một đảng kiên quyết phản đối chính sách ngân hàng của Tổng thống Jackson đã dồn sức vào việc khôi phục lại chế độ ngân hàng trung ương tư hữu.

Trong cuộc bầu tổng thống năm 1840, đảng Whig đã đề cử vị anh hùng chiến tranh William Henry Harrison, và do trong suy nghĩ của người dân có sự thay đổi về nguy cơ kinh tế, nên Harrison đã dành thắng lợi và trở thành Tổng thống thứ 9 của nước Mỹ một cách thuận lợi.

Với vai trò thủ lĩnh của đảng Whig, Henry Clay đã nhiều lần “chỉ đạo” Harrison phải điều hành nền chính trị như thế nào. Sau khi Harrison trở thành Tổng thống, mâu thuẫn giữa hai người ngày càng trở nên gay gắt. Henry Clay đã triệu kiến “tổng thống sắp nhậm chức” đến nhà mình ở Lexington. Vì nghĩ đến đại cuộc

nên Harrison đã nhìn nhận đến nhà Henry Clay, nhưng vì vấn đề ngân hàng quốc gia, chế độ tài chính độc lập và nhiều vấn đề khác nữa mà hai người đã gây gổ với nhau. Nguyên nhân là vì Henry Clay cho rằng có thể lấy thân phận “thái thượng hoàng” của mình để ra lệnh, dù chưa được sự đồng ý của Harrison nhưng ông ta đã cho người chấp bút viết bài diễn văn nhậm chức thay tổng thống và đã bị Harrison từ chối, Harrison còn đích thân viết một vài diễn văn nhậm chức dài hơn 8000 từ. Văn kiện tóm lược lại đường lối tư tưởng trị nước của Harrison đã phản bác lại luận điệu ngân hàng trung ương tư nhân và phớt bỏ đường lối chính sách tài chính độc lập do Henry Clay chủ trương, từ đó tạo nên một đòn đau thấu xương đối với lợi ích của ngân hàng.^[26]

Ngày 4 tháng 3 năm 1841 là một ngày rét mướt, Tổng thống Harrison đã phát biểu bài diễn văn nhậm chức của mình trong gió rét, và rốt cuộc đã bị cảm lạnh. Đối với Tổng thống Harrison, người một đời xông pha nơi trận mạc thì chuyện này cũng chẳng có gì lớn lao, nào ngờ bệnh tình của ông lại ngày càng trở nên trầm trọng khác thường, và đến ngày 4 tháng 4 thì từ trần. Tổng thống Harrison vừa mới lên nhậm chức và đang chuẩn bị triển khai rất nhiều dự định lớn lao thì bỗng nhiên “đột tử”. Việc một vị tổng thống vẫn còn minh mẫn hoạt bát tháng trước lại đột ngột từ trần tháng sau, dù thế nào thì đó cũng là một việc hết sức đáng ngờ. Có một số nhà sử học cho rằng tổng thống băng hà là do bị đầu độc, có thể thời gian hạ độc là vào ngày 30 tháng 3, và sau 6 ngày thì tổng thống Harrison từ trần.

Cuộc đấu tranh xung quanh chuyện ngân hàng trung ương tư hữu và hệ thống tài chính độc lập càng trở nên căng thẳng hơn vì cái chết của tổng thống Harrison. Trong năm 1841, Đảng Whig do Henry Clay chủ trì đã hai lần đề xuất phải khôi phục lại ngân hàng trung ương tư hữu và phớt bỏ chế độ tài chính độc lập, kết quả cả hai lần đều bị người kế nhiệm của tổng thống Harrison là phó tổng thống John Tyler phủ quyết. Henry Clay tức giận và xấu hổ đã ra lệnh khai trừ John Tyler ra khỏi đảng Whig, kết quả là tổng thống John Tyler “may mắn” trở thành vị tổng thống “mồ côi” bị khai trừ ra khỏi đảng duy nhất trong lịch sử nước Mỹ.

Đến năm 1849, một nhân vật khác của đảng Whig là Zachary Taylor sau khi trúng cử tổng thống, đã khôi phục lại hy vọng của ngân hàng trung ương. Việc xây dựng một ngân hàng trung ương tư nhân theo mô hình của ngân hàng Anh là mơ ước cao nhất của các ngân hàng, và nó có nghĩa rằng, cuối cùng thì ngân hàng cũng quyết định được số phận của quốc gia và nhân dân. Nhìn vào vết xe đổ trước đó của tổng thống Harrison, Taylor luôn tỏ ra hững hờ đối với vấn đề ngân hàng trung ương hết sức quan trọng này, nhưng đồng thời ông cũng không cam tâm trở thành con rối trong tay Henry Clay. Nhà sử học Michael Holt đã cho rằng, Tổng thống Taylor đã từng ngầm bày tỏ như thế này “Chủ ý xây dựng ngân hàng trung ương đã được định đoạt, và đó không phải là vấn đề cần được tôi xem xét trong nhiệm kỳ của mình.”^[27] Kết quả là, “cái đã được định đoạt” ở đây không phải là sự chú ý của ngân hàng trung ương mà nhắm vào bản thân tổng thống Taylor.

Ngày 4 tháng 7 năm 1850, Tổng thống Taylor tham dự lễ quốc khánh được cử hành trước đài tưởng niệm Washington. Thời tiết hôm đó hết sức oi nồng, Taylor đã uống một chút sữa đá, và ăn thêm mấy quả anh đào, kết quả là ông bị đau bụng. Đến ngày 9 tháng 7 thì vị tổng thống khôi ngô vạm vỡ này cũng ra đi một cách thần bí.

Sự kiện đột tử thần bí vì những căn bệnh chẳng đâu vào đâu của cả hai vị tổng thống có xuất thân từ quân nhân này đương nhiên đã gây xôn xao dư luận. Còn giới sử học thì tranh luận về đề tài này trong hàng thế kỷ. Năm 1991, sau khi được sự đồng ý của người nhà Tổng thống Taylor, thi thể của ông đã được khai quật lên, người ta lấy mẫu móng tay và tóc của Tổng thống đi xét nghiệm. Kết quả cho thấy, ông chết vì bị đầu độc. Đương nhiên cơ quan điều tra đã nhanh chóng lấp liếm rằng lượng đầu độc rất nhỏ không đủ để gây chết người, sau đó vội vàng kết thúc vụ điều tra. Cho đến ngày nay, chẳng ai biết được tại sao cơ thể tổng thống lại có những thứ độc tố này.

NGÂN HÀNG QUỐC TẾ RA TAY TẠO NÊN CUỘC “KHỦNG HOẢNG NĂM 1857”

Do Ngân hàng thứ hai của Mỹ đóng cửa năm 1836 nên các ông chủ ngân hàng quốc tế đã đột ngột ra tay rút sạch toàn bộ lượng tiền tệ kim loại đang lưu thông ở nước Mỹ, tạo nên khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng liên tục trong 5 năm ở quốc gia này. Mặc dù vào năm 1841, đại diện của các chủ ngân hàng quốc tế đã từng hai lần thử khôi phục lại hệ thống ngân hàng trung ương tư nhân, nhưng cả hai lần đều thất bại, mối quan hệ giữa hai bên rơi vào trạng thái đóng băng, tình trạng siết chặt tiền tệ của Mỹ kéo dài mãi đến năm 1848 mới bắt đầu được giải tỏa.

Nguyên nhân khiến cho tình hình chuyển biến tích cực tất nhiên không phải do các ông chủ ngân hàng quốc tế quá từ bi, mà là do vào năm 1848, nước Mỹ đã phát hiện mỏ vàng rất lớn: mỏ vàng San Francisco.

Lượng cung ứng vàng của Mỹ liên tục trong 9 năm kể từ năm 1848 đã tăng vọt chưa từng thấy, chỉ riêng California đã sản xuất ra một lượng tiền vàng trị giá đến 5 tỉ đô-la Mỹ. Năm 1851 ở Úc cũng phát hiện được một mỏ vàng có trữ lượng lớn, lượng cung ứng vàng trong phạm vi thế giới từ 144 triệu siling của năm 1851 tăng vọt lên 376 triệu siling trong năm 1861. Và lưu lượng tiền thuộc kim nội địa của Mỹ từ 83 triệu đô-la trong năm 1840 tăng vọt lên 253 triệu đô-la trong năm 1860. ^[28]

Việc phát hiện những mỏ vàng lớn ở Mỹ và Úc đã phá vỡ sự khống chế tuyệt đối của các nhà tài chính châu Âu đối với lượng cung ứng vàng thế giới. Chính phủ Mỹ thở phào nhẹ nhõm vì đã thoát được cảnh phải bị siết chặt tiền tệ. Việc cung ứng tiền tệ với chất lượng tốt và số lượng nhiều đã làm tăng niềm tin cho thị trường, các ngân hàng bắt đầu bành trướng hoạt động tín dụng trên quy mô lớn. Cơ sở quan trọng nhất trong tài sản của nước Mỹ là rất nhiều ngành công nghiệp quan trọng của Mỹ như công nghiệp, khoáng sản, giao thông, cơ giới đều được khôi phục nhanh chóng trong giai đoạn hoàng kim này.

Thấy việc khống chế tài chính tỏ ra không còn hiệu quả, các ông chủ ngân hàng quốc tế sớm đã có đổi sách mới. Đó chính là chính sách không chế tài chính, phân hóa chính trị.

Trước khi cuộc khủng hoảng kết thúc, các ông chủ ngân hàng đã bắt đầu ra tay thu mua của cải quý giá của dân chúng với giá rẻ mạt. Đến năm 1853, khi nền kinh tế Mỹ phát như điều gặp gió thì tư bản nước ngoài, đặc biệt là tư bản Anh đã sở hữu 46% trong tổng số công trái liên bang, 58% tổng công trái các bang, 26% tổng công trái ngành đường sắt Mỹ^[29]. Như vậy, một khi chế độ ngân hàng trung ương được yên vị thì nền kinh tế Mỹ cũng sẽ bị các ông chủ ngân hàng khống chế giống như các quốc gia châu Âu khác.

Các ông chủ ngân hàng quốc tế mở rộng hoạt động tín dụng, khiến nền kinh tế phát triển với tốc độ như bom bong bóng để người dân và các doanh nghiệp khác ra sức tạo ra của cải, sau đó đập gấp phanh tín dụng, khiến cho hầu hết các doanh nghiệp và người dân mất máu mà phá sản, còn các ngân hàng lại được một phen bội thu. Quả nhiên, trong khi thấy mùa thu hoạch đã đến, các ông chủ ngân hàng quốc tế và các đại diện của họ ở Mỹ đã quơ tay siết chặt tín dụng, gây nên cuộc khủng hoảng năm 1857. Nhưng điều vượt ra ngoài dự liệu của họ là, thực lực của nền kinh tế Mỹ lúc này đã không còn như 20 năm trước nữa, cuộc khủng hoảng năm 1857 không thể làm chấn thương trầm trọng nền kinh tế Mỹ một lần nữa, mà nó chỉ kéo dài trong một năm thì nước Mỹ đã dập tắt được khủng hoảng.

Khi thấy thực lực của nước Mỹ ngày càng mạnh, tài chính ngày càng khó bị khống chế, các ông chủ ngân hàng quốc tế đặt ra nhiệm vụ trọng tâm cho mình: kích động nội chiến và chia cắt nước Mỹ.

[12] Thư gửi Bộ trưởng tài chính Albert Gallatin (1802).

[13] Allan Hamilton, *Cuộc đời của Alexander Hamilton (The Intimate Life of Alexander Hamilton)* - Charles Scribner's Sons 1910.

[14] Arthur Schlesinger con, *Thời đại của Jackson (The Age of Jackson)* - New York: Mentor Books, 1945, tr.6-7.

[15] Được viết cho Robert Morris vào 30/4/1781.

[16] Tuyển tập tác phẩm của Thomas Jefferson (New York & Sons, 1899), tập X, tr. 31.

[17] Tác phẩm của Thomas Jefferson (Willey Book Company, 1944), tr. 749.

[18] Glyn Davies, *Lịch sử tiền tệ từ thời cổ đại đến nay (History of Money From Ancient Times to The Present Day)* - University of Wales Press 2002, tr. 474.

[19] Sách đã dẫn, tr. 475.

[20] Thomas Jefferson, Thư gửi John Taylor, 26/11/1798; in lại trong Tuyển tập tác phẩm của Thomas Jefferson, tập 10.

[21] Glyn Davies, *Lịch sử tiền tệ từ thời cổ đại đến nay (History of Money From Ancient Times to The Present Day)* - University of Wales Press 2002, tr. 475-476.

[22] Thomas Jefferson, Thư gửi James Monroe, 1/1/1815.

[23] Glyn Davies, *History of Money From Ancient Times to The Present Day* (University of Wales Press, 2002), tr. 476.

[24] Sách đã dẫn, tr. 479.

[25] G. Edward Griffin, *Sinh vật từ đảo Jekyll (The Creature from Jekyll Island)* - American Media, Westlake Village, CA 2002, tr. 224.

[26] Diễn văn khai mạc của Tổng thống William Henry Harrison, 4/3/1841.

[27] Michael F. Holt; *Sự lên ngôi và sụp đổ của Đảng Whig (The Rise and Fall of the American Whig Party: Jacksonian Politics and the Onset of the Civil War)* - 1999; tr. 292.

[28] Glyn Davies, *Lịch sử tiền tệ từ thời cổ đại đến nay (History of Money From Ancient Times to The Present Day)* - University of Wales Press 2002, tr. 484

[29] Sách đã dẫn, tr. 486.

Vì sao đô-la Mỹ được chọn là tiền tệ dự trữ của thế giới? Nó được đảm bảo bằng gì? Vì sao nó lại liên tục mất giá?

Tại sao Cục dự trữ liên bang Mỹ (Federal Reserve-Fed) là một ngân hàng của tư nhân và do một số nhà tài phiệt sở hữu?

Tại sao Phố Wall lại mạo hiểm chọn Hitler làm đối tượng rót vốn đầu tư?

Vì sao rất nhiều tổng thống Mỹ luôn là đối tượng ám sát của những kẻ “tâm thần”?

Vì sao kinh tế Nhật Bản một thời tăng trưởng lại liên tục ịch cả chục năm qua?

Lạm phát là gì? Ai được lợi từ lạm phát? Có phải lạm phát cao là cách thức các thế lực cướp đi tài sản lao động của các dân tộc?

Nguyên nhân sự sụp đổ kinh tế Đông Âu và nước Nga cũng như suy thoái kinh tế kéo dài của Nhật Bản?

Vì sao xuất hiện cơn bão tài chính tiền tệ Đông Nam Á, Hàn Quốc năm 1997? Các nhà tư bản đã kéo tới “vật lông” chủ hổ Thái Lan như thế nào?

Quỹ tiền tệ quốc tế IMF là gì? Vì sao các chuyên gia lại coi nó là công cụ bóc lột tài nguyên của các nước nghèo?

Chính sách tiền tệ của Trung Quốc có ngăn được sự can thiệp và thao túng của giới tài phiệt thế giới không?

Bong bóng kinh tế nhà đất và tín dụng thứ cấp của kinh tế Mỹ là gì? Vì sao thị trường tiền tệ thế giới lại sắp có chao đảo? Các nhà tài phiệt sẽ kiếm lời ra sao?

CHÍNH SÁCH MỚI VỀ TIỀN TỆ CỦA LINCOLN

Không có tiền thì không thể tiến hành chiến tranh, mà nếu vay của ngân hàng quốc tế thì chẳng khác nào tự treo thòng lọng vào cổ mình. Lincoln nghĩ trăm phương ngàn kế để tìm phương án giải quyết. Lúc đó, Dick Taylor – một người bạn cũ của ông ở Chicago - đã đề xuất với Lincoln một chủ ý, Chính phủ tự phát hành tiền tệ! “Việc yêu cầu Quốc hội thông qua đề án này cũng như vấn đề trao quyền cho Bộ tài chính ấn hành tiền tệ sẽ có đầy đủ hiệu lực pháp luật nhằm giúp chi trả lương bổng cho binh sĩ, sau đó sẽ giúp anh giành được thắng lợi trong cuộc chiến mà anh tiến hành.” Lincoln hỏi liệu người dân Mỹ có tiếp nhận đồng tiền mới này hay không, Dick nói rằng “tất cả mọi người đều sẽ không có sự lựa chọn nào khác trong vấn đề này, chỉ cần anh tạo nên hiệu lực pháp lý đầy đủ cho loại tiền tệ mới này, Chính phủ đưa ra sự ủng hộ hoàn toàn, và chúng sẽ thông dụng giống như một loại tiền đích thực, bởi vì hiến pháp trao cho quốc hội quyền phát hành và quyền quy định giá trị tiền tệ.”

Sau khi nghe xong đề nghị này, Lincoln tỏ ra quá đỗi vui mừng, lập tức đề nghị Dick lập kế hoạch cho việc này. Biện pháp hết sức mới lạ này đã phá vỡ cách làm

thường lệ của Chính phủ là cần phải vay tiền và chịu lãi suất cao của ngân hàng tư nhân. Loại tiền mới này sử dụng hoa văn màu xanh lục để phân biệt với tiền của các ngân hàng khác và được lịch sử gọi là “tiền xanh” (Greenback). Chỗ mới lạ đặc biệt của loại tiền mới này nằm ở chỗ nó hoàn toàn không có thể chấp bằng tiền vàng hay bạc, và lợi tức là 5% cho 20 năm.

Trong thời kỳ nội chiến, nhờ có sự phát hành của loại tiền này mà Mỹ đã khắc phục được tình trạng thiếu hụt tiền tệ nghiêm trọng của Chính phủ trong giai đoạn đầu của cuộc chiến. Điều này đã huy động một cách hiệu quả nhất tất cả các nguồn vốn của miền bắc nước Mỹ, tạo nên một cơ sở kinh tế vững chắc cho chiến thắng cuối cùng trước quân miền nam. Đồng thời, loại tiền này nhờ có giá thành thấp nên cũng đã trở thành loại tiền tích lũy của ngân hàng miền Bắc, tín dụng ngân hàng của miền Bắc cũng nhờ đó mà được mở rộng, công nghiệp quốc phòng, xây dựng đường sắt, sản xuất nông nghiệp và mậu dịch thương nghiệp đều nhận được sự chi viện tài chính lớn chưa từng có so với trước đó.

Việc phát hiện những mỏ vàng lớn những năm 1848 đã khiến cho nền tài chính Mỹ dần dần thoát khỏi cực điểm bất lợi và cực đoan do các ngân hàng châu Âu khống chế, và cũng chính nhờ vào sản lượng lớn những mỏ vàng này làm niềm tin nên loại tiền mới của Lincoln mới có thể được người dân tiếp nhận rộng rãi, đặt cơ sở tài chính đáng tin cậy cho việc giành thắng lợi trong cuộc chiến Nam – Bắc. Một điều nữa khiến người ta càng thêm kinh ngạc hơn là, loại tiền mới do Lincoln phát hành không hề gây ra lạm phát tiền tệ nghiêm trọng kiểu như trong thời kỳ chiến tranh độc lập, từ khi cuộc nội chiến nổ ra vào năm 1861 đến khi kết thúc vào năm 1865, chỉ số vật giá của toàn miền bắc Mỹ chỉ tăng một cách nhẹ nhàng từ 100 lên 216. Xem xét quy mô và sự nghiêm trọng về mức độ phá hoại của cuộc chiến so với những cuộc chiến có quy mô tương tự khác trên thế giới, chúng ta không thể không nói rằng đây là một kỳ tích tài chính. Ngược lại, miền nam cũng dùng phương thức lưu thông tiền giấy, nhưng hiệu quả thì khác xa một trời một vực, chỉ số vật giá của

miền nam trong cùng một thời kỳ đã tăng từ 100 lên đến 2776. ^[32]

Trong suốt thời kỳ chiến tranh Nam - Bắc, Chính quyền Lincoln đã phát hành tổng cộng số tiền mới là 450 triệu đô-la Mỹ. Nhờ cơ chế vận hành đồng tiền mới này tốt như vậy cho nên tổng thống Lincoln đã xem xét hết sức nghiêm túc việc tiến hành trường kỳ hóa và pháp chế hóa việc phát hành loại tiền tệ không thể chấp này (Debt Free Money). Nhưng chính điều này đã như một đòn đau đánh vào lợi ích căn bản của trùm tài chính quốc tế. Nếu như mọi chính phủ đều không cần phải vay tiền của ngân hàng mà “thần nhiên” tự mình phát hành tiền tệ, thì sự lũng đoạn của các ngân hàng đối với việc phát hành tiền tệ sẽ không còn tồn tại nữa, như thế lẽ nào không phải là ngân hàng đã trơ mắt rồi sao?

Ngay sau khi nghe được tin tức này, tờ *London Times* đại diện cho Ngân hàng Anh quốc đã lập tức đăng tải tuyên bố:

Nếu như chính sách tài chính mới của Mỹ (tiền xanh Lihncon) khiến người ta chán ghét được thực thi vĩnh viễn, chính phủ có thể phát hành không nguồn tiền tệ của mình. Chính phủ có thể hoàn trả hết mọi khoản nợ đồng thời sẽ thu được những khoản tiền cần thiết để phát triển thương nghiệp, sẽ biến thành một quốc gia phồn vinh chưa từng có trên thế giới, nguồn nhân tài ưu tú và mọi tài nguyên vốn có trên thế giới này sẽ chảy dòn về bắc Mỹ. Quốc gia này cần phải bị phá hủy, nếu không nó sẽ phá hủy từng quốc gia theo chế độ quân chủ trên thế giới.

Chính phủ của Anh và hiệp hội ngân hàng New York đã bày tỏ sự phẫn nộ đòi hỏi phải thực hiện các hành động đáp trả. Ngày 28 tháng 12 năm 1861, họ tuyên bố đình chỉ chi trả bằng tiền kim loại cho Chính phủ của Lincoln. Một số ngân hàng ở New York còn đình chỉ việc rút vàng của những người gửi tiết kiệm bằng vàng, đồng thời tuyên bố hủy bỏ việc chấp nhận dùng vàng mua công trái của Chính phủ.

Các ngân hàng ở nhiều nơi trên nước Mỹ cũng rầm rộ hưởng ứng. Họ đến Washington để đề xuất những phương án thay đổi vô nguyên tắc đối với tổng thống Lincoln, đòi thực hiện lại những cách làm trong quá khứ, đem những công trái có lợi tức cao bán cho các ngân hàng châu Âu; đem vàng của Chính phủ Mỹ gửi vào các ngân hàng tư nhân để dự trữ phát hành tín dụng, các ngân hàng phát tài lớn; Chính phủ Mỹ trung thu thuế của các ngành công nghiệp và người dân để chi trả cho chiến tranh.

Đương nhiên, Tổng thống Lincoln đã cự tuyệt yêu cầu hoàn toàn vô lý này của các ngân hàng. Chính sách của ông rất được lòng dân, người dân Mỹ đã nô nức mua hết toàn bộ công trái, và căn cứ vào pháp luật, các công trái này được sử dụng như là hiện kim.

Các ngân hàng thấy kế sách bất thành bèn nghĩ ra kế khác. Các ngân hàng phát hiện thấy rằng trong luật phát hành tiền xanh Lincoln của quốc hội hoàn toàn không đề cập đến việc nên dùng vàng để chi trả lãi tức công trái hay không. Vì vậy, họ cho phép dùng loại tiền mới của Lincoln để mua công trái, nhưng phần lợi tức phải dùng tiền kim loại để chi trả. Đây là một bước trong kế hoạch hoàn chỉnh nhằm gắn kết đồng tiền mới của Lincoln tại Mỹ với giá trị của vàng. Trong khi đó, các ngân hàng châu Âu tích lũy đồng bảng Anh nhiều hơn bất cứ đồng tiền nào thời đó và nhiều hơn so với tiền vàng của Mỹ. Sự thỏa hiệp giữa ngân hàng Mỹ và quốc hội Mỹ đã khiến cho thế lực tài chính quốc tế lợi dụng việc khống chế tổng lượng xuất nhập khẩu vàng đối với nước Mỹ gián tiếp đạt được hiệu quả thao túng giá trị tiền tệ của Mỹ.

ĐỒNG MINH NGA CỦA LINCOLN

Trong thời khắc nguy ngập khi các quốc vương ở châu Âu đã chuẩn bị sẵn sàng để đem quân sang chia cắt nước Mỹ, Lincoln đã lập tức nhớ đến kẻ thù truyền kiếp của các quốc vương châu Âu – nước Nga. Lincoln đã phái đặc sứ cầu cứu Sa hoàng

Alechxande đệ nghị. Khi nhận được thư của Lincoln, Sa hoàng không mở ra ngay, mà nâng nâng trên tay, rồi nói rằng: “Trước khi mở bức thư này hoặc biết được nội dung của nó, chúng ta sẽ đồng ý trước với bất cứ yêu cầu nào mà bức thư đề xuất.”

[33]

Nguyên nhân Sa hoàng chuẩn bị tham gia quân sự vào cuộc nội chiến Mỹ có mấy mặt sau đây. Một là sự lo lắng “môi hở răng lạnh”, vì trong thời kỳ Alechxande đại đế trị vì, các thế lực tài chính quốc tế quét sạch châu Âu đã gỡ cửa điện Kremli. Học theo kinh nghiệm của các quốc gia tài chính “tiên tiến” ở châu Âu, các ngân hàng kịch liệt yêu cầu thành lập ngân hàng trung ương tư hữu, và Sa Hoàng đã sớm nhận ra chiêu độc trong việc này nên đã kiên quyết từ chối yêu cầu này. Khi nhìn thấy tổng thống Lincoln - một thế lực phản đối tài chính quốc tế - rơi vào tình cảnh nguy hiểm, nếu như không ra tay tương trợ, thì Alechxande đệ nghị e rằng, chẳng mấy chốc mối nguy ấy sẽ ập đến với chính mình. Một nguyên nhân khác là ngày 3 tháng 3 năm 1861 trước khi nổ ra cuộc nội chiến Nam – Bắc ở Mỹ, Alechxande đệ nghị đã tuyên bố pháp lệnh giải phóng nông nô, và về mặt phế bỏ chế độ nô lệ này, cả hai bên đều có những quan điểm chung. Và còn một điều nữa là cuộc chiến tranh Crimean của nước Nga vừa mới kết thúc năm 1856 đã đại bại dưới tay của liên quân Anh – Pháp, nên Alechxande đệ nghị chưa nguôi chuyện rửa hận. Chưa tuyên chiến, hạm đội của Nga dưới sự thống lĩnh của tướng Liviski đã tiến vào cảng New York vào ngày 24 tháng 9 năm 1663. Ngày 12 tháng 10, hạm đội Thái Bình Dương của Nga dưới sự thống soái của tướng Popov đã đến San Francisco . Đối với hành động của nước Nga, Wales đã bình luận rằng: “Họ đã đến khi miền nam đang ở vào lúc triều lên còn miền bắc ở vào thế triều xuống, sự xuất hiện của họ đã tạo nên sự do dự của Anh và Pháp, cuối cùng đã cho Lincoln thời gian xoay chuyển được cục diện.”

Sau khi nội chiến kết thúc, để chi trả khoản phí tổng cộng 7,2 triệu đô-la Mỹ cho hạm đội của nước Nga, Chính phủ của Mỹ đã chần chừ kéo dài thời gian. Bởi vì hiến pháp không trao cho Tổng thống quyền chi trả chi phí chiến tranh cho Chính

phủ nước ngoài, Tổng thống Johanson khi đó đã đạt được hiệp ước dùng chính vùng đất Alaska mua của nước Nga để chi trả khoản chi phí chiến tranh. Trong lịch sử, vụ việc này được gọi là “Sự điên rồ của Seward”. Seward là quốc vụ khanh khi đó của Hoa Kỳ, và đã bị dân chúng kịch liệt chỉ trích khi bỏ ra 7,2 triệu đô-la để đi mua lại một vùng đất hoang hóa không đáng một xu khi đó của Nga.

Cũng vì một nguyên nhân tương tự mà Alechxande đệ nhị đã bị hành thích vào năm 1867, nhưng cuộc hành thích đã không thành công. Ngày 1 tháng 3 năm 1881, Alechxande cuối cùng cũng chết vào tay thích khách.

AI LÀ HUNG THỦ THẬT SỰ ÁM SÁT LINCOLN ?

Bismarck – vị thủ tướng kiên cường và giàu lòng hy sinh của nước Đức đã từng chỉ ra một cách sắc bén rằng:

Ông ấy (Lincoln) được quốc hội trao quyền tiến hành vay tiền thông qua việc bán khoản công trái cho người dân, như vậy thì Chính phủ và quốc gia sẽ thoát được khỏi cái bẫy cài sẵn của các nhà tài chính nước ngoài. Trong khi họ (các nhà tài chính quốc tế) hiểu rõ được rằng nước Mỹ sẽ thoát khỏi vòng khống chế của họ, thì ngày chết của Lincoln chẳng còn mấy xa xôi.

Sau khi ra sắc lệnh giải phóng nô lệ da đen và thống nhất miền nam, ngay lập tức Lincoln đã tuyên bố xóa toàn bộ các khoản nợ chiến tranh mà miền nam đã gánh chịu. Các ngân hàng quốc tế chu cấp khoản lớn tài chính cho miền nam trong suốt cuộc chiến, đã bị tổn thất nghiêm trọng vì quyết định này. Để trả thù Lincoln, đặc biệt là để lật đổ chính sách mới về tiền tệ của Lincoln, họ đã tập hợp các thế lực bất mãn đối với vị tổng thống này, bí mật lên kế hoạch ám sát tổng thống. Với họ, chuyện chỉ đạo đám côn đồ ám sát tổng thống thực tế không phải là một việc khó khăn.

Sau khi Lincoln bị ám sát, dưới sự thao túng của các thế lực tài chính quốc tế, quốc hội tuyên bố phế bỏ chính sách tiền tệ mới của Lincoln, giới hạn của việc phát hành tiền tệ mới của Lincoln không được vượt quá 400 triệu đô-la.

Năm 1972, có người hỏi Bộ tài chính Mỹ rằng, với số tiền mới 450 triệu đô-la Mỹ của Lincoln phát hành, chính phủ rốt cuộc đã tiết kiệm được bao nhiêu lãi suất. Sau mấy tuần tính toán kỹ lưỡng, câu trả lời của Bộ tài chính là: nhờ tổng số tiền Lincoln tự phát hành cho Chính phủ Mỹ mà quốc gia này đã tiết kiệm được 4 tỉ đô-la lợi nhuận.^[34]

Cuộc chiến tranh nam bắc của Mỹ, về căn bản là một cuộc tranh giành lợi ích kịch liệt giữa các thế lực tài chính quốc tế cũng như những người đại diện cho các thế lực đó và Chính phủ Mỹ trong việc thống soái quyền phát hành tiền tệ quốc gia và chính sách tài chính tiền tệ của Mỹ. Trong thời gian hơn một trăm năm sau cuộc chiến tranh nam bắc, đôi bên đã tiến hành những cuộc chiến tàn khốc, tổng cộng đã có 7 tổng thống Mỹ vì cuộc chiến này mà bị ám sát, nhiều nghị sĩ bị thủ tiêu. Mãi đến năm 1913, việc thành lập hệ thống ngân hàng dự trữ liên bang Mỹ đã đánh dấu cho thắng lợi mang tính quyết định của ngân hàng quốc tế.

Thật đúng như Bismarck đã nói:

Cái chết của Lincoln là sự tổn thất nghiêm trọng của thế giới cơ đốc giáo. Nước Mỹ có thể không còn ai có thể đi lại con đường vĩ đại của ông, còn các ngân hàng sẽ lại một lần nữa khống chế những ai giàu có. Tôi lo rằng các ngân hàng nước ngoài với những thủ đoạn cao siêu và tàn bạo sẽ dành được sự giàu có của nước Mỹ, sau đó dùng nó để hủy hoại nền văn minh hiện đại một cách có hệ thống.

SỰ THỎA HIỆP CHÍ MẠNG: “PHÁP LỆNH NGÂN HÀNG QUỐC GIA” NĂM 1863

Vai trò mà tôi đã đóng góp trong việc thúc dục cho ra đời pháp lệnh ngân hàng quốc gia là sai lầm tài chính nghiêm trọng nhất trong cuộc đời. Sự lũng đoạn (cung ứng tiền tệ) mà nó (pháp lệnh ngân hàng quốc gia) sản sinh ra sẽ ảnh hưởng đến tất cả các phương diện của đất nước này. Nó cần phải bị phế bỏ, nhưng trước khi điều này xảy ra, đất nước này sẽ chia thành hai phía, một bên là người dân, còn bên kia là ngân hàng, tình huống này vẫn chưa từng xuất hiện trong lịch sử của đất nước này.

Bộ trưởng tài chính Mỹ Salomon Ches (1861 – 1864)

Sau khi cuộc chiến tranh Nam - Bắc bùng nổ, Lincoln đã cự tuyệt khoản lợi tức cắt cổ từ 24% đến 36% của Rothschild và các đại diện khác của họ ở Mỹ, chuyển sang trao quyền cho Bộ tài chính phát hành “tín phiếu chính phủ Mỹ” (United States Notes) của riêng mình, hay còn được gọi là bạc xanh. Pháp lệnh tiền tệ (Legal Tender Act) được thông qua tháng 2 năm 1862. Pháp lệnh này trao quyền cho Bộ tài chính phát hành 150 triệu đồng tiền xanh, liền sau đó vào tháng 7 năm 1862 và tháng 3 năm 1863, lại trao quyền cho Bộ tài chính phát hành thêm 150 triệu tiền xanh nữa. Nói chung, trong thời kỳ nội chiến, tổng số tiền xanh được phát hành đã lên đến 450 triệu.

Việc phát hành tiền xanh của Lincoln chẳng khác nào chọc vào tổ ong vò vẽ của ngân hàng quốc tế, các ngân hàng đau như bò đá trước hành động này của Tổng thống, nhưng ngược lại, tầng lớp nhân dân và các ngành công nghiệp khác thì lại tỏ thái độ hết sức hoan nghênh đối với loại tiền xanh này. Đồng tiền xanh của Lincoln được lưu hành mãi đến năm 1994 trong hệ thống tiền tệ của Mỹ.

Năm 1863, khi cuộc chiến đã bước đến hồi quyết định nhất, Lincoln cần nhiều tiền xanh hơn nữa để giành được thắng lợi. Nhằm được trao quyền phát hành tiền xanh lần thứ ba, ông không thể không cúi đầu trước các thế lực của các ngân hàng trong quốc hội đề ra một sự thỏa hiệp quan trọng, ký vào pháp lệnh “ngân hàng quốc gia”

năm 1863. Pháp lệnh này trao cho Chính phủ quyền phê chuẩn cho ngân hàng quốc gia (National Bank) phát hành chứng chỉ ngân hàng với tiêu chuẩn thống nhất. Những ngân hàng này trên thực tế sẽ phát hành tiền tệ quốc gia của Mỹ. Một điểm hết sức quan trọng chính là những ngân hàng này dùng trái phiếu chính phủ Mỹ (Government Bond) làm nguồn dự trữ cho việc phát hành chứng chỉ ngân hàng, trên thực tế sẽ khóa chặt sự phát hành tiền tệ của Mỹ với các khoản vay của Chính phủ, và như thế thì Chính phủ sẽ mãi không thể hoàn trả hết các khoản nợ này.

John Kenneth Galbraith - nhà kinh tế học lừng danh người Mỹ - đã từng chỉ ra một cách sắc bén rằng: “Rất nhiều năm sau khi cuộc nội chiến kết thúc, mỗi năm, Chính phủ liên bang đều thu được khoản thặng dư rất lớn. Nhưng nó lại không thể hoàn trả hết những khoản nợ mà nó đã vay, bởi hoàn toàn bộ những khoản nợ Chính phủ đã phát hành ra, bởi vì như vậy đồng nghĩa với việc chẳng còn khoản nợ nào để làm thế chấp cho quỹ tiền tệ quốc gia. Việc hoàn trả hết các khoản nợ cũng đồng nghĩa là đã phá hủy toàn bộ sự lưu thông tiền tệ.”

Âm mưu tái thiết lập một mô hình ngân hàng theo kiểu Ngân hàng Anh ở Mỹ của các ngân hàng quốc tế cuối cùng đã trở thành hiện thực. Từ đây, lợi tức lâu dài từ các khoản nợ của Chính phủ Mỹ sẽ chảy vào túi các ngân hàng, và nó chẳng khác nào một sợi thòng lọng ngày càng siết chặt vào cổ nhân dân Mỹ. Đến năm 2006, tổng khoản vay nợ của Chính phủ liên bang Mỹ đã lên đến con số khổng lồ 8,6 vạn tỉ đô-la, bình quân mỗi nhà có bốn người phải gánh chịu một khoản nợ quốc gia lên đến 112000 đô-la, và tốc độ tăng trưởng tổng nợ cả đất nước Mỹ trong mỗi giây là 20000 đô-la! Khoản chi trả lợi tức của Chính phủ liên bang Mỹ đối với nợ quốc gia chỉ đứng sau ngân sách dành cho y tế và quốc phòng, và đến năm 2006 sẽ đạt đến con số khổng lồ 400 tỉ đô-la Mỹ.

Bắt đầu từ năm 1864, các ngân hàng có thể đời đời kiếp kiếp hưởng thụ bữa đại tiệc lợi tức từ khoản nợ quốc gia này của Mỹ. Chỉ vì xem nhẹ sự khác biệt giữa việc

chính phủ trực tiếp phát hành tiền tệ với việc chính phủ phát hành công trái còn ngân hàng phát hành tiền, mà các nhà ngân hàng đã tạo nên một sự bất công lớn nhất trong lịch sử loài người. Người dân bị ép phải nộp thuế gián tiếp qua các ngân hàng, mà những khoản thuế này chính là tài sản và tiền bạc do mồ hôi nước mắt của họ làm nên!

Mãi đến ngày nay, Trung Quốc là một trong số ít quốc gia trên thế giới có chính sách phát hành tiền tệ do chính phủ trực tiếp điều hành. Nhờ đó khoản lợi tức phải chi trả mà Chính phủ và người dân đã tiết kiệm được trở thành nhân tố quan trọng không thể thiếu khiến Trung Quốc có thể phát triển nhanh và lâu dài như vậy. Nếu có ai đó đưa ra đề xuất phải học hỏi “kinh nghiệm tiên bộ” của nước ngoài, ngân hàng nhân dân cần phải dùng nợ quốc gia của Chính phủ làm thế chấp để phát hành đồng nhân dân tệ, thì người dân Trung Quốc cần phải coi chừng.

Lincoln không phải là không biết đến nguy cơ đe dọa vĩnh cửu này và dự tính rằng, sau khi thắng cử ở nhiệm kỳ kế tiếp vào năm 1865, ông sẽ phế bỏ pháp lệnh này, nhưng chỉ 42 ngày sau khi trúng cử, Lincoln đã bị ám sát. Các thế lực của ngân hàng quốc tế trong quốc hội thừa thắng xông lên. Họ cho rằng, cần phải loại bỏ đồng tiền xanh của Lincoln thì mới có thể kê cao gối mà ngủ được. Ngày 12 tháng 4 năm 1866, quốc hội đã thông qua “Pháp lệnh thu hồi” (Contraction Act), hồng thu hồi tất cả các đồng tiền xanh hiện đang lưu thông, và đổi lại thành tiền kim loại, sau đó gạt bỏ tiền xanh ra khỏi hệ thống lưu thông, khôi phục chế độ bản vị vàng.

Ở một đất nước vừa thoát khỏi cuộc chiến điêu tàn cần khôi phục, chẳng có gì hoang đường hơn là một chính sách kiểm soát gắt gao tiền tệ. Lượng tiền tệ lưu thông 1,8 tỉ đô-la Mỹ từ năm 1866 (tức khoảng 50,46 đô-la Mỹ mỗi người), đã sụt giảm xuống còn 1,3 tỉ đô-la Mỹ năm 1867 (tức 44 đô-la Mỹ mỗi người), 600 triệu đô-la Mỹ năm 1876 (mỗi người 14,6 đô-la), cuối cùng là giảm xuống còn 400 triệu đô-la Mỹ (mỗi người 6,67 đô-la) năm 1886, trong bối cảnh một nước Mỹ với nhiều vết thương chiến tranh cần chữa trị, một nền kinh tế cần được phục hồi và phát

triển, đồng thời tình hình dân số tăng nhanh, nhưng lại gặp cảnh thiếu hụt nghiêm trọng lượng cung ứng tiền tệ, đa số người dân đều cho rằng sự phồn vinh rồi suy thoái là quy luật của phát triển kinh tế. Nhưng trên thực tế, nguồn cung ứng tiền tệ được thao túng khi buông khi siết bởi các ngân hàng quốc tế mới là nguồn cơn thực sự của vấn đề.

Mùa đông năm 1872, các ngân hàng quốc tế đã phái Ernest Seyd đem theo một khoản tiền lớn từ Anh vào Mỹ, thông qua việc hỏi lộ các quan chức để thông qua “pháp lệnh tiền đúc năm 1873” (Coinage Act), lịch sử gọi là “pháp lệnh ngu xuẩn 1873” (Crime of 1873), đích thân Ernest Seyd đã soạn thảo pháp lệnh này, và nó đã gạt bỏ tiền bằng bạc ra khỏi hệ thống lưu thông tiền tệ, tiền vàng trở thành thứ tiền tệ duy nhất. Pháp lệnh này không còn nghi ngờ gì về hiệu ứng phủ sóng lên tuyệt cho dòng lưu thông tiền tệ vốn đã thiếu hụt trầm trọng. Sau khi xong việc, Ernest Seyd vênh váo tự đắc nói rằng: “Mùa đông năm 1872, ta đã làm một chuyến đến Mỹ, ta đã đảm bảo chắc chắn việc thông qua pháp lệnh tiền đúc để phế bỏ tiền bạc. Cái mà ta đại diện là lợi ích của các chủ tịch ngân hàng Anh quốc. Đến năm 1873, tiền vàng đã trở thành loại tiền kim loại duy nhất.”

Nhưng sự thật, tác dụng của việc loại trừ tiền bạc ra khỏi lĩnh vực lưu thông tiền tệ quốc tế là nhằm để đảm bảo chắc chắn sức khống chế tuyệt đối của các ngân hàng quốc tế đối với lượng cung ứng tiền tệ thế giới, đối phó với việc khai thác các mỏ bạc với số lượng ngày càng nhiều, còn sản lượng và việc thăm dò các mỏ vàng ngày càng ít đi, sau khi đã nắm giữ được việc khai thác các mỏ vàng thế giới, đương nhiên ngân hàng quốc tế không muốn lưu lượng tiền bạc mà họ khó khống chế được lại can dự vào địa vị bá quyền tài chính thế giới của họ. Cho nên kể từ năm 1871, bạc trắng đã được loại trừ đồng loạt ở các quốc gia Đức, Anh, Hà Lan, Áo, Scandinavia, dẫn đến việc lượng lưu thông tiền tệ của mỗi quốc gia bị co lại là rất lớn, từ đó đã dẫn đến cuộc đại suy thoái kinh tế nghiêm trọng kéo dài 20 năm ở châu Âu (Long Depression, 1873 – 1896).

Ở Mỹ, “pháp lệnh thu hồi” và “pháp lệnh tiền đúc” đã trực tiếp gây nên cuộc đại suy thoái kinh tế từ năm 1873 đến năm 1879. Trong khoảng thời gian ba năm này, tỉ lệ thất nghiệp của Mỹ đã cao đến 30%, người dân Mỹ đã cương quyết yêu cầu phải khôi phục lại thời kỳ lưu hành song song tiền bạc và tiền xanh Lincoln. Dân chúng Mỹ thành lập một cách tự phát các tổ chức như hội bạc trắng (US Silver Commission), hội tiền xanh (Greenback Party), thúc đẩy cả nước khôi phục lại chế độ lưu hành song song tiền vàng và tiền bạc, phát hành lại tiền xanh Lincoln vốn được người dân rất hoan nghênh.

Báo cáo của hội bạc trắng ở Mỹ đã chỉ ra: “Thời kỳ trung cổ đen tối chính là do tiền tệ thiếu hụt và giá cả sụt giảm gây nên. Không có tiền tệ, không có văn minh, cung ứng tiền tệ giảm, văn minh tất nhiên sẽ tiêu vong. Thời cơ độc giáo La Mã, đế quốc có tổng cộng lượng lưu thông tiền tệ kim loại tương đương với 1,8 tỉ đô-la Mỹ, đến cuối thế kỷ 15, lượng lưu thông tiền tệ kim loại (của châu Âu) chỉ còn lại 200 triệu đô-la Mỹ. Lịch sử đã chứng minh rằng không có bất cứ sự thay đổi có tính chất tai họa nào sánh bằng việc đế quốc La Mã chuyển sang thời trung cổ đen tối.”

Nhưng đối diện với những đòi hỏi của dân chúng Mỹ là thái độ dứt khoát lạnh lùng của hiệp hội các nhà ngân hàng Mỹ (The American Bankers Association). Trong thư của hiệp hội này gửi cho các hội viên đã chỉ ra:

Chúng tôi đề nghị các ngài hãy dốc toàn lực dựa vào các nhật báo và tạp chí danh tiếng, đặc biệt là tổ chức nông nghiệp và tôn giáo, kiên quyết phản đối Chính phủ phát hành tiền xanh, các ngài phải chầm dứt trợ giúp những ứng cử viên nào không tỏ ý phản đối việc Chính phủ phát hành tiền xanh. Việc gạt bỏ quyền phát hành tiền tệ quốc gia của ngân hàng hoặc khôi phục việc phát hành tiền xanh của Chính phủ sẽ khiến cho (quốc gia) có thể cung ứng tiền tệ cho người dân, điều này sẽ phương hại nghiêm trọng đến lợi nhuận của ngân hàng cũng như lợi ích của những người cho vay như chúng ta. Lập

tức hẹn gặp các nghị viên quốc hội ở khu vực của các ngài, yêu cầu họ bảo vệ lợi ích của chúng ta, như vậy chúng ta có thể không chế lập pháp.

Năm 1881, trong cảnh kinh tế tiêu điều, Tổng thống thứ 20 của Mỹ là James bước lên đài chính trị và đã nhìn thấy cũng như nắm bắt được điểm cốt yếu của vấn đề. Ông nói rằng:

Ở bất cứ quốc gia nào, ai không chế được việc cung ứng tiền tệ thì người đó trở thành người chủ tuyệt đối của các ngành công, thương nghiệp hiện có. Trong khi hiểu rõ được toàn bộ hệ thống (tiền tệ) do một thiểu số người dùng phương pháp này hay phương pháp kia không chế một cách hết sức dễ dàng, thì bạn không cần người khác nói cho bạn biết về nguồn gốc của việc lạm phát và siết chặt tiền tệ.

Lời phát biểu này mới được phát đi trong mấy tuần thì Tổng thống đã bị Charles Guiteau - một tên “mắc bệnh tâm thần” ám sát vào ngày 2 tháng 7 năm 1881. Tổng thống bị bắn hai phát, và cuối cùng qua đời ngày 19 tháng 9.

Trong suốt thế kỷ 19, các ngân hàng quốc tế đã thành công với sách lược “dùng quyền lực của đồng tiền thần thánh để thu được vương quyền thần thánh”. Tại Mỹ, “quyền lực thần thánh của đồng tiền cũng dần làm tan rã dân quyền thiêng liêng”. Sau những cuộc đọ sức kịch liệt kéo dài hàng trăm năm với Chính phủ dân cử của nước Mỹ, các ngân hàng quốc tế đã chiếm thế thượng phong. Các nhà sử học của Mỹ đã chỉ ra rằng, tỉ lệ hy sinh của các đời tổng thống Mỹ còn cao hơn nhiều so với tỉ lệ hy sinh bình quân của thủy quân lục chiến Mỹ.

Khi các ngân hàng ngênh ngang đắc ý đã nắm được trong tay pháp lệnh ngân hàng quốc gia năm 1863, thì mục tiêu thành lập một ngân hàng với mô hình của Ngân hàng Anh ở Mỹ chỉ còn trong gang tấc. Một ngân hàng trung ương tư hữu hoàn toàn

không chế quyền phát hành tiền tệ của nước Mỹ, một ngân hàng của các đại gia ngân hàng đã manh nha hình thành.

Một quốc gia công nghiệp vĩ đại bị hệ thống tín dụng không chế một cách cứng nhắc. Sự phát triển của quốc gia này và mọi hoạt động (kinh tế) của chúng ta hoàn toàn nằm trong tay một số ít người. Chúng ta đã rơi vào thế thống trị cam go nhất, một kiểu không chế triệt để nhất trên thế giới. Chính phủ không còn có ý kiến tự do nữa, không còn quyền định tội tư pháp nữa, không còn là chính phủ được lựa chọn bởi đa số người dân nữa, mà là chính phủ (vận hành) dưới sự cưỡng bức và ý kiến của thiểu số có quyền chi phối. Rất nhiều nhân sĩ công thương nghiệp của quốc gia này đều đang lo sợ một điều gì đó. Họ biết thứ quyền lực vô hình này được tổ chức theo cách như vậy, tĩnh lặng vô tình như vậy, phủ khắp như vậy, khóa chặt lẫn nhau như vậy, triệt để và toàn diện như vậy, đến nỗi họ không dám công khai lên án thứ quyền lực này. ^[1]

Woodrow Wilson - Tổng thống thứ 28 của

Mỹ

CHƯƠNG 3

CỤC DỰ TRỮ LIÊN BANG MỸ: NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG TƯ HỮU

Có thể không quá khoa trương khi nói rằng, mãi đến ngày nay, Trung Quốc có thể cũng chẳng có mấy nhà kinh tế học biết được một thực tế rằng, Cục dự trữ liên bang Mỹ chính là ngân hàng trung ương tư hữu. Cái gọi là “Ngân hàng dự trữ liên bang”, thực ra vừa chẳng phải là “liên bang”, mà cũng chẳng có “dự trữ”, và cũng không đáng được xem là “ngân hàng”.

Đa số các quan chức của chính phủ Trung Quốc có thể sẽ nghĩ rằng, đương nhiên chính phủ Mỹ phát hành ra đồng đô la, nhưng trên thực tế, về cơ bản, chính phủ Mỹ

không có quyền phát hành tiền tệ! Năm 1963, sau khi tổng thống Kennedy bị ám sát, chính phủ Mỹ cuối cùng đã mất đi quyền phát hành “đô-la Mỹ bạc trắng”. Muốn có được đồng đô-la, Chính phủ Mỹ cần phải đem thu nhập từ thuế tương lai (công trái) của người dân Mỹ, thế chấp cho cục dự trữ liên bang Mỹ tư hữu, “chúng chỉ cục dự trữ liên bang Mỹ” do cục dự trữ liên bang Mỹ phát hành, đây chính là “đô-la Mỹ”.

Tính chất và lai lịch của “cục dự trữ liên bang Mỹ” trong giới học thuật và giới truyền thông Mỹ, là một “vùng cấm” mọi người tự hiểu với nhau mà chẳng cần nói ra. Hằng ngày, giới truyền thông Mỹ có thể bàn tán về vô vàn vấn đề chẳng có chút quan trọng gì kiểu như “hôn nhân đồng tính”, nhưng những vấn đề quan trọng liên quan đến việc ai đang không chế chuyện phát hành tiền tệ, liên quan đến lợi ích chi trả lợi tức các khoản vay cá nhân thì lại hầu như chẳng có chữ nào đá động đến.

Đọc đến đây, nếu bạn có cảm giác kinh ngạc, vấn đề sẽ trở nên quan trọng, trong khi bạn lại không hay biết. Chương này sẽ nói về bí mật của việc thành lập Cục dự trữ liên bang Mỹ - vấn đề đã bị giới truyền thông Mỹ cố ý “bỏ qua”. Khi chúng ta dùng một chiếc kính hiển vi để soi lại giây phút cuối cùng của một sự kiện trọng đại ảnh hưởng đến tiến trình lịch sử thế giới thì sự phát triển của sự kiện sẽ chính xác đến mức ta phải lấy lấy tiếng tích tắc của đồng hồ làm đơn vị đo lường.

Ngày 23 tháng 12 năm 1913, chính phủ dân cử của Mỹ cuối cùng đã bị quyền lực đồng tiền lật đổ.

ĐẢO JEKYLL THẦN BÍ: CÁI NÔI CỦA CỤC DỰ TRỮ LIÊN BANG MỸ

Đêm ngày 22 tháng 11 năm 1910, một đoàn tàu rèm che kín mít chậm rãi tiến về phía Nam. Những người ngồi trong toa tàu đều là những nhà tài phiệt ngân hàng quan trọng nhất nước Mỹ, không một ai biết được mục đích chuyến đi này. Điểm dừng cuối cùng của đoàn tàu là đảo Jekyll thuộc bang Georgia xa mấy trăm dặm

Anh.

Đảo Jekyll của bang Georgia là một quần đảo nghỉ đông thuộc sở hữu của những nhân vật giàu có siêu hạng ở Mỹ. Các thế lực tai to mặt lớn mà đứng đầu là JP Morgan đã thành lập một câu lạc bộ đi săn trên đảo Jekyll. Một phần sáu của cải thế giới dồn vào tay các hội viên của câu lạc bộ này, và tư cách hội viên chỉ có thể kế thừa chứ không thể chuyển nhượng. Lúc này, câu lạc bộ nhận được thông báo có người cần sử dụng hội sở của câu lạc bộ này trong khoảng hai tuần, và như vậy, trong khoảng thời gian này, tất cả các thành viên không được phép sử dụng hội sở. Toàn bộ nhân viên phục vụ của hội sở đều là những người được bố trí đến từ đất liền, chỉ được xưng tên chứ tuyệt đối không được sử dụng họ đối với những người khách đến hội sở này. Trong phạm vi 50 dặm Anh, hội sở được đảm bảo rằng xung quanh không có sự xuất hiện của bất cứ tay săn tin nào.

Ngay sau khi công việc chuẩn bị hoàn tất, những vị khách này xuất hiện tại hội sở. Tham gia hội nghị tuyệt mật này có:

Nelson Aldrich, thượng nghị sĩ, Chủ tịch ủy ban tiền tệ quốc gia (National Monetary Commission), ông ngoại của Nelson Rockefeller

A. Piatt Andrew, trợ lý bộ trưởng bộ tài chính Mỹ

Frank Vanderlip, Chủ tịch National City Bank

Henry P. Davison, cố đồng cao cấp của công ty J.P Morgan

Charles D. Norton, Chủ tịch First National Bank

Benjamin Strong, trợ lý của J.P Morgan

và Paul Warburg, dân di cư gốc Do Thái đến từ Đức. Năm 1901, Paul đến Mỹ và hùn một khoản vốn lớn vào công ty Kuhn Loeband Company. Là đại diện của dòng họ Rothschild ở Anh và Pháp, đảm nhận chức tổng công trình sư của Cục dự trữ liên bang Mỹ kiêm chủ tịch đầu tiên Cục dự trữ liên bang Mỹ.

Những nhân vật quan trọng này đến hòn đảo nhỏ hẻo lánh mà chẳng có hứng thú gì với việc săn bắn. Họ đến đây với một nhiệm vụ chủ yếu là khởi thảo một văn kiện

quan trọng: Dự luật dự trữ liên bang (Federal Reserve Act).

Paul Warburg là một cao thủ về lĩnh vực ngân hàng, tinh thông hầu như mọi khâu nhỏ trong hoạt động ngân hàng. Nếu có ai đó thắc mắc với các câu hỏi cần giải đáp, Paul không chỉ nhẫn nại trả lời mà còn giảng giải không ngớt về nguồn gốc lịch sử sâu xa của mỗi một khái niệm chi tiết. Ai cũng khâm phục kiến thức uyên bác trong lĩnh vực ngân hàng của ông. Paul hiển nhiên trở thành người khởi thảo đồng thời là người giải đáp mọi vấn đề trong việc xây dựng văn kiện.

Nelson Aldrich là người ngoại đạo duy nhất trong số những nhân vật có mặt ở đây. Ông phụ trách chỉnh sửa nội dung văn kiện sao cho phù hợp với yêu cầu chính xác của chính trị và có thể được chấp nhận ở quốc hội. Những người khác đại diện cho lợi ích của các tập đoàn ngân hàng khác nhau. Họ tiến hành tranh luận kịch liệt suốt 9 ngày liền xung quanh chi tiết phương án mà Paul đề xuất, cuối cùng đã đi đến thống nhất.

Do cuộc khủng hoảng ngân hàng năm 1907 nên trong mắt người dân Mỹ, hình ảnh của các nhà ngân hàng không còn mấy đẹp đẽ. Điều này khiến cho đa số nghị sĩ quốc hội không dám công khai ủng hộ dự luật do các nhà ngân hàng tham gia lập ra. Vì vậy, những người này không quản ngại đường xa vạn dặm, lặn lội từ New York đến hòn đảo hoang vắng này để tham gia khởi thảo văn kiện. Hơn nữa, cái tên Ngân hàng trung ương nghe có vẻ quá khoa trương. Từ thời Tổng thống Jefferson đến nay, tên gọi của Ngân hàng trung ương đều có dính dáng đến âm mưu của nhà tài phiệt ngân hàng quốc tế Anh, vì thế Paul kiến nghị dùng tên “Cục dự trữ liên bang” (Federal Reserve System) để che đậy tai mắt thiên hạ. Thế nhưng, Cục dự trữ liên bang có đầy đủ mọi chức năng của một ngân hàng trung ương, và cũng giống như ngân hàng Anh, Cục dự trữ liên bang Mỹ được thiết kế theo kiểu tư nhân nắm giữ cổ phần, và ngân hàng sẽ thu được lợi ích rất lớn từ việc đó. Điều khác với ngân hàng thứ nhất và ngân hàng thứ hai là, trong cơ cấu cổ phần của Cục dự trữ liên bang Mỹ, 20% cổ phần vốn có của Chính phủ đã bị lấy mất, nó sẽ trở thành một

ngân hàng trung ương tư hữu “thuần túy”.

Nhằm che đậy bản chất thực của cục dự trữ liên bang Mỹ cũng như để trả lời cho câu hỏi ai là kẻ không chế cơ quan này, Paul đã khéo léo đề xuất ý kiến: “Quốc hội không chế Cục dự trữ liên bang Mỹ, Chính phủ nắm giữ vai trò đại biểu trong hội đồng quản trị, nhưng đa số thành viên của hội đồng quản trị là do hiệp hội ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp không chế.”

Về sau, trong phiên bản cuối cùng, Paul đã đổi thành “thành viên của hội đồng quản trị do tổng thống Mỹ bổ nhiệm”, thế nhưng, chức năng chân chính của hội đồng quản trị do Hội đồng tư vấn liên bang (Federal Advisory Council) không chế, và cùng với hội đồng quản trị, Hội đồng tư vấn liên bang sẽ định kỳ mở hội nghị “thảo luận” công việc. Thành viên của ủy ban tư vấn liên bang sẽ do chủ tịch hội đồng quản trị của 12 nhà ngân hàng dự trữ liên bang quyết định. Điểm này đã được lập liêm trước công chúng.

Một vấn đề nan giải khác mà Paul phải đối phó là làm thế nào để che giấu sự thực rằng, nhân vật chịu trách nhiệm chủ trì Cục dự trữ liên bang là một chuyên gia kỳ cựu của ngân hàng New York. Từ thế kỷ 19 đến nay, hầu hết các thương nhân, chủ trang trại vừa và nhỏ của miền trung tây nước Mỹ đã gánh chịu đủ đại nạn của khủng hoảng ngân hàng, cho nên họ ghét cay ghét đắng các chuyên gia ngân hàng đến từ miền đông, và các nghị sĩ của những khu vực này không thể ủng hộ ngân hàng trung ương nếu như nó được chủ trì bởi một nhân vật nào đó từ ngân hàng New York. Vì vậy mà Paul đã thiết kế nên một phương án giải quyết tài tình để cho 12 nhà ngân hàng địa phương của cục dự trữ liên bang Mỹ cấu thành toàn bộ hệ thống. Ngoài những người trong giới ngân hàng, rất ít người biết được rằng, về lý thuyết, việc phát hành tiền tệ và tín dụng của Mỹ được tập trung ở New York, nhưng trên thực tế, điều này không hề diễn ra ở New York, và màn kịch này chẳng qua là do các ngân hàng thuộc cục dự trữ liên bang Mỹ đã dàn dựng nên mà thôi. Còn có một chỗ thể hiện sự suy nghĩ sâu xa của Paul - đặt trụ sở của Cục dự trữ liên

bang Mỹ tại Washington – trung tâm chính trị của nước Mỹ, trong khi New York mới là trung tâm tài chính lớn của đất nước này. Mối lo ngại chính của ông xuất phát từ sự kỳ thị của dân chúng đối với các nhà ngân hàng đến từ New York.

Điều bận tâm thứ tư của Paul là làm thế nào tìm ra nhân viên quản lý cho 12 nhà ngân hàng địa phương trực thuộc Cục dự trữ liên bang Mỹ. Kinh nghiệm làm việc trong quốc hội của Nelson Aldrich cuối cùng đã giúp ông tìm được đất dụng võ. Ông chỉ ra rằng, các nghị sĩ miền trung tây nước Mỹ thường tỏ rõ mối thù địch với ngân hàng New York, và để tránh mất kiểm soát, tổng thống phải là người đứng ra bổ nhiệm vị trí chủ tịch ngân hàng địa phương và đó không phải là nhiệm vụ của quốc hội. Nhưng điều này đã tạo nên một lỗ hổng pháp luật. Điều 8 chương 1 của hiến pháp Mỹ quy định rõ ràng rằng, quốc hội chịu trách nhiệm phụ trách việc quản lý phát hành tiền tệ. Việc Cục dự trữ liên bang gạt Quốc hội ra ngoài rõ ràng đã vi phạm hiến pháp. Về sau, quả nhiên điềm này đã trở thành cái cớ để các nghị sĩ chĩa mũi dùi công kích Cục dự trữ liên bang Mỹ.

Sau khi được dàn xếp chu đáo, dự luật này nghiêm nhiên xuất hiện với hình thức mô phỏng theo sự phân quyền và cân bằng kiểm soát của hiến pháp Mỹ. Tổng thống bổ nhiệm, quốc hội thẩm duyệt, nhân sĩ độc lập nhậm chức chủ tịch hội đồng quản trị, còn các nhà ngân hàng đảm nhận vị trí cố vấn, quả là một thiết kế hoàn hảo!

BẢY NHÀ TÀI PHIỆT PHỐ WALL: NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN HẬU TRƯỜNG CỦA CỤC DỰ TRỮ LIÊN BANG

Bảy nhân vật quan trọng của phố Wall hiện tại đã khống chế đại bộ phận các ngành công nghiệp cơ bản cũng như nguồn vốn của Mỹ. Trong đó, JP Morgan, James J. Hill, George Berk (Chủ tịch First National Bank) trực thuộc Tập đoàn Morgan; bốn người còn lại gồm John Rockefeller, William Rockefeller, James Stillman (Chủ tịch National City Bank), Jacob Schiff (công ty Kuhn Loeb) trực

thuộc Tập đoàn Standard Oil Cities Bank. Đầu mối trung tâm về vốn do họ tạo nên đang trở thành thế lực chủ yếu khống chế nước Mỹ. ^[2]

John Moody - người sáng lập hệ thống đánh giá đầu tư Moody nổi tiếng, 1911

Bảy vị tai to mặt lớn của phố Wall chính là những người thực sự điều khiển việc thành lập Cục dự trữ liên bang Mỹ. Sự phối hợp nhịp nhàng bí mật giữa họ với dòng họ Rothschild của châu Âu cuối cùng đã lập lên một phiên bản của ngân hàng Anh quốc tại Mỹ.

SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA DÒNG HỌ MORGAN

Tiền thân của ngân hàng là công ty George Peabody Company của Anh không được nhiều người biết đến. George Peabody vốn là một nhà buôn hoa quả sấy khô của vùng Baltimore (Mỹ). Sau khi phát lên nhờ một số thương vụ nhỏ, vào năm 1835, George đến London. Chàng thương gia trẻ nhận thấy ngành tài chính là một lĩnh vực béo bở, bèn quyết định hùn vốn với một số người nữa để mở ngân hàng Merchant Bank. Đây là một nghiệp vụ “tài chính cao cấp” rất hợp thời khi đó, khách hàng chủ yếu bao gồm Chính phủ, các công ty lớn và những người rất giàu có. Họ cung cấp các khoản vay cho thương mại quốc tế, phát hành cổ phiếu và công trái, kinh doanh các loại hàng hóa chủ lực, và đây chính là tiền thân của ngân hàng đầu tư ngày nay.

Thông qua sự giới thiệu của công ty anh em nhà Brown thuộc chi nhánh Anh, George Peabody đã nhanh chóng gia nhập vào giới tài chính Anh quốc. Không lâu sau, George Peabody hết sức kinh ngạc khi nhận được thư mời đến dự tiệc từ nam tước Nathan Rothschild. Đối với chàng thương gia trẻ này thì vinh hạnh đó chẳng khác nào niềm hãnh diện của một tín đồ thiên chúa giáo được giáo hàng tiếp kiến.

Nathan đã đi thẳng vào vấn đề bằng việc đề nghị George Peabody giúp mình làm đại

diện giao tế bí mật của dòng họ Rothschild. Tuy nổi tiếng là giàu có với khối tài sản khổng lồ, song dòng họ Rothschild vẫn bị nhiều người ở châu Âu căm ghét và coi thường vì thường lừa gạt cưỡng đoạt tài sản của dân chúng. Tầng lớp quý tộc ở London vốn không thèm đứng chung cùng hàng ngũ với Nathan, đã năm lần bảy lượt thắng thừng từ chối lời mời của Nathan. Dù đã tạo ra thế lực rất mạnh ở Anh quốc, nhưng dòng họ nhà Rothschild luôn có cảm giác của kẻ ngồi “chiếu dưới” vì bị giới quý tộc cô lập. Một nguyên nhân khác khiến Nathan chọn George Peabody vì ông ta là người khiêm tốn nhã nhặn, tư cách khá tốt, lại là người Mỹ, sau này còn có thể dùng vào việc lớn.

Đương nhiên là George Peabody hồ hởi đón nhận lời đề nghị của Nathan. Toàn bộ mọi kinh phí giao tế đều do Nathan chi trả, công ty của George Peabody nhanh chóng trở thành trung tâm giao tế nổi tiếng London. Đặc biệt là vào ngày 4 tháng 7 hàng năm, tiệc mừng nhân ngày lễ độc lập nước Mỹ đều được tổ chức tại nhà George Peabody và trở thành một sự kiện quan trọng trong giới quý tộc London ^[2]. Đám khách khứa cũng khó mà hình dung nổi, vì sao một doanh nhân hết sức bình thường mấy năm trước lại có thể cáng đáng nổi những khoản phí chiêu đãi trong những bữa tiệc tráng lệ và xa xỉ kia.

Mãi đến năm 1854, George Peabody vẫn chỉ là một ông chủ ngân hàng nhỏ với khoản tài sản trị giá một triệu bảng Anh, nhưng chỉ trong thời gian 6 năm ngắn ngủi sau đó, khối tài sản của vị thường gia này đã đạt mức 20 triệu bảng Anh và biến ông trở thành ông chủ nhà băng có máu mặt ở Mỹ. Trong thời gian diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1857 tại Mỹ do dòng họ Rothschild giật dây, George Peabody dốc hết tiền đầu tư vào công trái đường sắt và công trái Chính phủ Mỹ trong khi các ông chủ nhà băng Anh đột nhiên bán tống bán tháo tất cả công trái có dính dáng đến Mỹ. Cũng trong giai đoạn này, George Peabody lâm vào cảnh khó khăn nghiêm trọng. Điều kỳ lạ là, khi George mấp mé bên bờ vực phá sản, ngân hàng Anh giống như thiên sứ từ trên trời rơi xuống đã ngay lập tức cung cấp cho ông ta một khoản vay tín dụng trị giá 800 nghìn bảng Anh. Chính điều này đã giúp

George phục hồi nhanh chóng. Và thế là, chẳng hiểu sao, một người cẩn trọng như George Peabody lại quyết định mua vào một lượng lớn các loại công trái đang bị các nhà đầu tư Mỹ bán đổ bán tháo như rác rưởi. Cuộc khủng hoảng năm 1857 hoàn toàn không giống với cuộc suy thoái năm 1837. Chỉ trong một năm thì nền kinh tế Mỹ đã hoàn toàn thoát khỏi bóng mây của sự suy thoái. Kết quả là các loại công trái Mỹ đã khiến cho ông nhanh chóng trở thành người giàu có siêu cấp, điều này tương tự với chiến dịch công trái Anh của Nathan năm 1815 khiến người ta khiếp đảm.

Vì George Peabody không có con nối dõi nên sản nghiệp khổng lồ kia cũng chẳng có ai thừa kế. Chính vì thế mà ông rất khổ tâm và cuối cùng quyết định mời chàng trai trẻ tuổi Junius Morgan nhập hội làm ăn. Sau khi George Peabody nghỉ hưu, Junius Morgan đã nắm giữ toàn bộ việc làm ăn và đổi tên công ty này thành Junius S. Morgan and Company, sau đó đổi tên chi nhánh ở Mỹ thành J. P. Morgan and Company. Năm 1869, trong cuộc họp mặt ở London với gia tộc Rothschild, dòng họ Morgan đã hoàn toàn kế thừa mối quan hệ của George Peabody với gia tộc Rothschild và đưa mối quan hệ hợp tác này phát triển lên một tầm cao mới. Năm 1880, JP Morgan đầu tư một lượng lớn vốn nhằm tổ chức lại hoạt động thương nghiệp của công ty đường sắt.

Ngày 5 tháng 2 năm 1891, gia tộc Rothschild và một số nhà ngân hàng khác ở Anh đã thành lập một tổ chức bí mật lấy tên là “tập đoàn hội nghị bàn tròn”. Ở Mỹ, một tổ chức tương tự cũng được thành lập, đứng đầu chính là dòng họ Morgan. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, “Tập đoàn hội nghị bàn tròn” của Mỹ được đổi tên thành “Hiệp hội ngoại giao” (Council on Foreign Relation), còn ở Anh thì đổi thành “Hiệp hội sự vụ quốc tế hoàng gia” (Royal Institute of International Affairs). Rất nhiều quan chức của Chính phủ hai nước Anh và Mỹ đều là những người được lựa chọn từ hai hiệp hội này.

Năm 1899, JP Morgan và Drexel đến London tham gia đại hội các nhà ngân hàng

quốc tế. Ngay khi trở về, JP Morgan đã được chỉ định làm đại diện cao cấp cho lợi ích của dòng họ Rothschild ở Mỹ. Hội nghị London đi đến một thống nhất rằng, các công ty JP Morgan (New York), Drexel (Philadelphia), Grenfell (London), Morgan Harjes Cie (Paris), M.M.Warburg Company (Đức) và Mỹ, gắn kết hoàn toàn với dòng họ Rothschild. ^[3]

Năm 1901, JP Morgan đã mua lại công ty gang thép Carnegie với giá 500 triệu đô la, sau đó cơ cấu lại toàn bộ tổ chức này và biến nó thành Công ty gang thép Mỹ (United States Steel Corporation) có giá trị thị trường hơn 1 tỉ đô-la. JP Morgan được coi là người giàu nhất trên thế giới thời đó, thế nhưng, căn cứ theo báo cáo của Ủy ban kinh tế lâm thời quốc gia (Temporary National Economic Committee), thì ông ta chỉ nắm giữ 9% cổ phần của công ty mình. Xem ra, Morgan với tiếng tăm lừng lẫy vẫn chỉ là một nhân vật diễn trước sân khấu.

ROCKEFELLER: VUA DẦU MỎ

John Rockefeller cha là một nhân vật ít nhiều gây tranh cãi trong lịch sử nước Mỹ, bị thiên hạ chụp mũ là “người máu lạnh”. Tên tuổi của ông gắn liền với công ty dầu mỏ nổi tiếng thế giới.

Việc buôn bán dầu mỏ của John Rockefeller bắt đầu từ thời kỳ nội chiến Mỹ (1861 – 1865), và mãi đến năm 1870, khi thành lập công ty dầu mỏ thì quy mô làm ăn của ông vẫn thuộc vào hàng thường thường bậc trung. Từ sau khi nhận được một khoản cho vay cơ bản của ngân hàng đô thị quốc gia Cleveland, trong nháy mắt, dường như Rockefeller đã tìm được cảm giác đích thực của mình. Dã tâm cạnh tranh theo luật rừng của nhà tài phiệt này đã vượt xa sức tưởng tượng của mọi người. Nhận thấy ngành công nghiệp luyện dầu rất có triển vọng tốt với mức lợi nhuận ngắn hạn rất cao, nhưng Rockefeller cũng đồng thời nhìn thấy một sự thật hiển nhiên: đó là sự cạnh tranh trong lĩnh vực này diễn ra kịch liệt mà không có sự kiểm soát, vì thế,

sớm hay muộn, các doanh nghiệp tham gia vào cuộc chơi này cũng sẽ rơi vào cạnh tranh theo kiểu tự sát. Và để tồn tại, chỉ có duy nhất một cách: tiêu diệt đối thủ cạnh tranh bằng mọi giá, không từ bất cứ thủ đoạn nào.

Trước hết, Rockefeller không chế công ty trung gian nhưng không để cho ai biết rằng mình đã đề xuất mua lại đối thủ cạnh tranh với giá thấp. Nếu cự tuyệt, đối thủ cạnh tranh sẽ đối mặt với cuộc chiến giá cả thảm khốc, cho đến khi đối thủ phủ phục hoặc phá sản mới thôi. Nếu không hiệu quả, sau cùng Rockefeller sẽ sử dụng đến chiêu sở trường của mình - bạo lực: đánh công nhân của đối thủ cạnh tranh, phóng hỏa thiêu rụi nhà xưởng của đối thủ. Sau mấy hiệp như vậy, số đối thủ may mắn sống sót chỉ còn đếm trên đầu ngón tay. Hành vi lũng đoạn bá đạo như vậy, tuy đã gây nên sự căm phẫn trong giới kinh doanh, nhưng cũng đem lại sự hứng thú cao độ cho nhà ngân hàng New York. Các nhà tài phiệt ngân hàng ham mê trò lũng đoạn đã rất hân hoan trước khả năng của Rockefeller.

Dòng họ Rothschild vẫn muôn tìm mọi cách khống chế nước Mỹ đang ngày càng lớn mạnh. Tuy nhiên, các mảnh khóc của họ tộc này sớm muộn đều thất bại. Việc khống chế một quốc vương ở châu Âu đơn giản hơn rất nhiều so với việc khống chế một Chính phủ dân cử. Sau cuộc nội chiến của Mỹ, dòng họ Rothschild bắt đầu sắp xếp kế hoạch khống chế Mỹ. Về tài chính thì đã có công ty Morgan và công ty Kuhn Loeb, còn trong giới công nghiệp vẫn chưa có ai thích hợp. Những gì mà Rockefeller làm đã thấp lên một tia hy vọng cho dòng họ Rothschild. Nếu như được tiếp thêm một lượng tài chính lớn thì thực lực của nhà Rockefeller sẽ vượt rất xa so với một vùng Cleveland nhỏ nhỏ.

Rothschild đã cử Jacob Schiff của công ty Kuhn Loeb – một chiến lược gia quan trọng nhất của họ về tài chính ở Mỹ, tham gia vào kế hoạch này. Năm 1875, Jacob Schiff thân chinh đến Cleveland để chỉ bảo Rockefeller cách thức triển khai các bước tiếp theo trong kế hoạch khống chế nước Mỹ. Cùng với sự xuất hiện của Jacob

Schiff là một lợi thế mà Rockefeller có nằm mơ cũng không dám nghĩ đến: thông qua ngân hàng Morgan và công ty Kuhn Loeb, Rothschild đã khống chế 95% thị phần vận chuyên đường sắt Mỹ, đồng thời Jacob Schiff đang có dự định thành lập công ty South Improvement Company nhằm cung cấp dịch vụ vận chuyên giá rẻ cho công ty dầu mỏ của Rockefeller, mà dưới sự khống chế giá cước vận chuyên này, chẳng có mấy công ty luyện dầu có thể tiếp tục sinh tồn. Rất nhanh chóng, Rockefeller đã lũng đoạn hoàn toàn ngành dầu mỏ của Mỹ, trở thành “Vua dầu mỏ” thật sự cả về nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

JACOB SCHIFF: CHIẾN LƯỢC GIA TÀI CHÍNH CỦA ROTHSCHILD

Mối quan hệ mật thiết giữa hai dòng họ Rothschild và Scheff có thể được truy ngược về năm 1785, khi Rothschild cha chuyển đến một tòa dinh thự 5 tầng ở Franfurk, và trong nhiều năm liền sống chung với dòng họ Scheff. Cùng là các nhà ngân hàng gốc Do Thái ở Đức nên hai dòng họ này có mối quan hệ hữu hảo kéo dài hàng trăm năm.

Năm 1865, tròn 18 tuổi, Jacob Schiff đến Mỹ sau một thời gian thực tập ở ngân hàng Rothschild (Anh). Sau khi tổng thống Lincon bị ám sát, Jacob làm kế toán cho các ngân hàng châu Âu của Mỹ, đồng thời cùng thúc đẩy việc xây dựng chế độ ngân hàng trung ương tư hữu của Mỹ. Một mục đích khác của Jacob chính là phát hiện, bồi dưỡng kiến thức cho đại diện của ngân hàng châu Âu, đồng thời đưa họ gia nhập vào các vị trí quan trọng như Chính phủ, tòa án, ngân hàng, công nghiệp, để chờ thời cơ.

Ngày 1 tháng 1 năm 1875, Jacob liên kết với công ty Kuhn Loeb, và từ đây trở thành thành viên chủ chốt của công ty. Dưới sự ủng hộ của Rothschild hùng mạnh, cuối cùng công ty Kuhn Loeb đã trở thành một trong những ngân hàng đầu tư nổi tiếng nhất cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20.

JAMES J.HILL: VUA ĐƯỜNG SẮT

Xây dựng đường sắt là ngành công nghiệp quan trọng đòi hỏi nguồn tài chính lớn. Sự phát triển của ngành công nghiệp đường sắt khổng lồ tại Mỹ chủ yếu dựa vào nguồn tiền từ thị trường vốn của Anh quốc và các quốc gia khác ở châu Âu. Không chế việc phát hành công trái đường sắt Mỹ ở châu Âu chính là thủ đoạn của các nhà tài phiệt nhằm nắm giữ số phận của ngành công nghiệp này.

Năm 1873, các nhà ngân hàng quốc tế đột ngột siết chặt tài chính đối với Mỹ đồng thời bán tháo công trái của Mỹ. Điều này khiến cho công trái đường sắt Mỹ lâm vào cảnh chợ chiều. Ngay khi cuộc khủng hoảng kết thúc vào năm 1879, dòng họ Rothschild lập tức trở thành chủ nợ lớn nhất của ngành đường sắt Mỹ. Chỉ cần cao hứng một chút, nhà tài phiệt này có thể bóp chết mạch máu tài chính của bất kỳ công ty đường sắt nào của Mỹ. Trong bối cảnh đó, James J. Hill – một thương gia khởi nghiệp với nghề vận chuyển đường sắt bằng hơi nước và than đá - buộc lòng phải đầu quân dưới trướng của các nhà tài chính để có thể sinh tồn và lớn mạnh trong sự cạnh tranh khốc liệt của ngành đường sắt. Morgan chính là chỗ dựa tài chính đối với ông ta. Với sự ủng hộ của Morgan, James J. Hill đã thực hiện kế hoạch thôn tính hàng loạt công ty đường sắt đang lâm vào cảnh phá sản sau cuộc khủng hoảng năm 1873.

Đến năm 1893, giấc mơ được nắm giữ ngành đường sắt xuyên Mỹ của James J. Hill cuối cùng đã trở thành hiện thực. Khi tranh giành quyền khống chế đường sắt miền tây (Chicago, Burlington and Quincy Railroad), James J. Hill đã gặp phải một đối thủ rất mạnh - Liên hiệp đường sắt Thái Bình Dương (Union Pacific Railroad) do tập toàn tài chính Rockefeller đỡ đầu. Liên hiệp này đã bất ngờ tấn công ông trùm vận tải đường sắt bằng việc bí mật thu mua cổ phiếu của công ty Northern Pacific do James J. Hill kiểm soát. Khi phát hiện ra vấn đề thì James J. Hill đã sắp mất

quyền kiểm soát công ty. James J. Hill lập tức cầu viện khẩn cấp ông chủ Morgan lúc này đang trong kỳ nghỉ mát ở châu Âu. Morgan lập tức ra lệnh cho thuộc hạ phản kích lại sự khiêu chiến của Rockefeller. Trong một thời gian dài, thị trường cổ phiếu phố Wall như lên cơn sốt, nhà đầu tư tranh nhau mua cổ phiếu của công ty đường sắt Northern Pacific như ăn mỳ cướp cháo thí khiến mỗi cổ phiếu có khi đã nhảy lên mức 1000 USD.

Hai con hổ đánh nhau ắt có con bị thương, cuối cùng các nhà ngân hàng quốc tế không thể không ra mặt điều đình, và kết quả cuối cùng là một công ty cổ phần chứng khoán miền Bắc (Northern Securities Company) được thành lập, hai con hổ cùng nhau kiểm soát ngành vận chuyển đường sắt Bắc Mỹ. Ngay trong ngày thành lập công ty này, tổng thống McKinley bị ám sát, phó tổng thống Roosevelt cha lên kế nhiệm. Dưới sự phản đối quyết liệt của Roosevelt cha, công ty chứng khoán miền Bắc bị “đạo luật chống độc quyền” được quốc hội Mỹ thông qua năm 1890 cưỡng chế giải thể. Sau đó, James J. Hill quay hướng đầu tư về miền Nam, nuốt gọn ngành vận chuyển đường sắt từ Colorado thẳng đến Texas. Đến khi qua đời vào năm 1916, James J. Hill đã tích góp được một tài sản lên đến 53 triệu đô la.

ANH EM NHÀ WARBURG

Năm 1902, hai anh em Paul và Felix từ Franfurk (Đức) di cư sang Mỹ. Hai chàng trai này xuất thân trong một gia đình có truyền thống về nghề ngân hàng, rất tinh thông trong lĩnh vực này, đặc biệt là Paul, người được gọi là cao thủ trong giới tài chính thời đó. Rothschild tỏ ra rất xem trọng tài năng của Paul nên đã đặc phái hai anh em từ ngân hàng của dòng họ Warburg (M.M. Warburg and Co) đến Mỹ vốn lúc này đang rất cần nhân tài.

Lúc này, dòng họ Rothschild thúc đẩy kế hoạch ngân hàng trung ương tư hữu ở Mỹ đã gần cả trăm năm, sứt sùi nhiều phen mà chưa được như ý. Lần này, Paul sẽ đảm

nhận nhiệm vụ chủ công. Sau khi đến Mỹ được một thời gian, Paul đã kết giao với công ty Kuhn Loeb của Jacob Schiff, đồng thời cưới con gái của vợ chồng Schiff, còn Felix cũng đã cưới con gái của Schiff.

Colonel Ely Garrison - cố vấn tài chính suốt hai đời tổng thống Roosevelt (cha) và Wilson đã nhận xét rằng, “Aldrich đang gặp phải sự phản đối trên toàn quốc, chính ngài Paul Warburg đã cơ cấu lại đề án Cục dự trữ liên bang Mỹ. Trí tuệ thiên tài đằng sau kế hoạch này đều bắt nguồn từ Alfred Rothschild của London.”^[4]

TUYẾN TIỀN TIÊU CỦA VIỆC XÂY DỰNG CỤC DỰ TRỮ LIÊN BANG MỸ: CUỘC KHỦNG HOẢNG NGÂN HÀNG NĂM 1907

Năm 1903, Paul đem cương lĩnh hành động với các chỉ dẫn cách thức áp dụng những “kinh nghiệm tiên tiến” của các ngân hàng trung ương châu Âu đến nước Mỹ và trao cho Jacob Schiff. Sau đó, tài liệu này lại được trao cho James Stillman - CEO của National Citi Bank (sau này là ngân hàng Hoa Kỳ) và nhóm các nhà ngân hàng của New York. Mọi người đều cảm thấy như được khai sáng nhờ tư tưởng của Paul.

Vấn đề là sự phản đối của dân chúng đối với ngân hàng trung ương tư hữu tăng lên rất mạnh. Giới công nghiệp cũng như chủ các doanh nghiệp vừa và nhỏ rất ác cảm với các nhà ngân hàng New York. Bất cứ đề án nào có liên quan đến ngân hàng trung ương tư hữu do các nhà ngân hàng đề xuất đều bị các nghị sĩ quốc hội tránh né giống như tránh bệnh truyền nhiễm vậy. Trong một bầu không khí khó chịu mang đậm tính chính trị như vậy, việc thông qua đề án ngân hàng trung ương nhằm tạo ra lợi thế cho các nhà ngân hàng quả thật là một điều vô cùng khó khăn.

Để xoay chuyển tình thế bất lợi, một cuộc khủng hoảng tài chính khổng lồ đã bắt đầu được nghĩ đến. Trước hết, trong dư luận bắt đầu xuất hiện những khái niệm tài chính mới. Ngày 6 tháng 1 năm 1907, một bài viết của Paul với tiêu đề “Khuyết

điểm và Nhu cầu của hệ thống ngân hàng chúng ta” (Defects and Needs of Our Banking System) đã được công bố để rồi từ đây, Paul trở thành người cổ súy hàng đầu cho chế độ ngân hàng trung ương ở Mỹ. Không lâu sau đó, tại hội nghị dành cho các thương gia New York, Jacob Schiff đã tuyên bố rằng “nếu không đủ sức kiểm soát nguồn vốn tín dụng, ngân hàng trung ương của chúng ta sẽ phải trải qua một cuộc khủng hoảng tài chính ghê gớm với tầm ảnh hưởng sâu rộng nhất.” [5]

Giống như thời kỳ 1837, 1857, 1873, 1884 và 1893, các nhà ngân hàng đã sớm nhìn ra hiện tượng bong bóng xuất hiện trong sự phát triển quá nóng của nền kinh tế, và đây cũng là kết quả tất yếu của việc không ngừng nói lỏng vòng quay lưu chuyển tiền tệ. Nói một cách hình tượng, toàn bộ quá trình này giống như việc nuôi cá trong hồ. Việc chế nước vào hồ cá cũng giống như chuyện nói lỏng vòng quay lưu chuyển tiền tệ hay bơm một lượng lớn tiền vào nền kinh tế. Sau khi nhận được một lượng lớn tiền được bơm vào này, dưới sự mê hoặc của tiền bạc, các ngành các giới bắt đầu ngày đêm khổ sở, nỗ lực sáng tạo ra của cải, và quá trình này giống như việc cá trong hồ cá ra sức hấp thụ các thành phần dinh dưỡng để ngày càng béo mập. Khi nhận thấy thời cơ thu nhập đã chín muồi, các nhà ngân hàng sẽ đột ngột siết chặt vòng quay lưu chuyển tiền tệ, rút cạn nước trong hồ, và phần lớn cá trong hồ lúc này chỉ biết tuyệt vọng chờ đợi giây phút bị tóm gọn.

Nhưng chỉ có các ông trùm ngân hàng lớn nhất mới biết được đâu là thời điểm bắt đầu hút nước vớt cá. Ngay sau khi một quốc gia thành lập chế độ ngân hàng trung ương tư hữu, việc kiểm soát quá trình rút nước hót cá của đám tài phiệt ngân hàng lại càng trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết. Quy trình phát triển, suy thoái kinh tế, tích lũy và bốc hơi tài sản đều là kết quả tất yếu từ việc “nuôi dưỡng” một cách khoa học của các nhà ngân hàng.

Morgan và các nhà ngân hàng quốc tế sau lưng ông ta đã tính toán một cách chính xác thành quả dự tính của cơn bão táp tài chính lần này. Trước hết là trò “rung cây

dọa khi”, làm chấn động xã hội Mỹ, để “thực tế” chỉ rõ rằng một xã hội không có ngân hàng trung ương sẽ yếu ớt đến thế nào. Tiếp đến là trò bóp nghẹt và sáp nhập các đối thủ cạnh tranh vừa và nhỏ, đặc biệt là những công ty đầu tư ủy thác mua bán, khiến các nhà ngân hàng khó chịu.

Các công ty đầu tư ủy thác thời đó đang nắm giữ nhiều nghiệp vụ mà ngân hàng không thể kinh doanh, trong khi đó, Chính phủ lại hết sức thông thoáng về mặt quản lý. Tất cả những điều này khiến cho các công ty đầu tư ủy thác thu nhận nguồn vốn xã hội quá mức và đầu tư vào các ngành nghề có rủi ro cao hay thị trường cổ phiếu. Đến khi cuộc khủng hoảng bùng phát vào tháng 10 năm 1907, khoảng một nửa các khoản gửi ngân hàng ở New York đều bị các công ty đầu tư ủy thác gán nợ với lãi suất cao để đầu tư vào thị trường cổ phiếu và công trái có mức rủi ro cao, và như vậy, cả thị trường tài chính rơi vào trạng thái đầu cơ cực độ.

Trong suốt mấy tháng trước thời gian này, Morgan đi “nghỉ mát” liên tục giữa London và Paris. Theo sự hoạch định công phu của các nhà tài chính quốc tế, Morgan trở về Mỹ. Không lâu sau, ở New York bỗng nhiên có tin đồn rằng Knickerbocker Trust – một công ty ủy thác mua bán lớn thứ ba nước Mỹ sắp phá sản. Lời đồn đại như vi rút độc hại lan ra khắp New York với tốc độ chóng mặt. Những người có tài khoản tiết kiệm ở ngân hàng vô cùng hoảng sợ chen chúc nhau sắp hàng suốt sáng thâu đêm trước cửa các công ty ủy thác mua bán để chờ rút hết tiền trong tài khoản của họ. Còn ngân hàng thì yêu cầu các công ty ủy thác mua bán này phải lập tức hoàn nợ. Do phải đối mặt với sức ép từ hai phía nên các công ty đầu tư ủy thác chỉ còn biết cách vay tiền thị trường cổ phiếu (Margin Loan), lãi suất vay trong nháy mắt đã nhảy lên cái giá trời ơi 150%. Đến ngày 24 tháng 10, giao dịch thị trường cổ phiếu hầu như rơi vào trạng thái đóng băng.

Lúc này, Morgan xuất hiện với bộ mặt của một vị chúa cứu thế. Vị chủ tịch Sở giao dịch chứng khoán New York tìm đến phòng làm việc của Morgan cầu cứu. Với

giọng run rẩy, ông ta cho Morgan biết rằng nếu trước ba giờ chiều mà không thể tập trung đủ 25 triệu đô la thì ít nhất 50 doanh nghiệp sẽ phá sản, và ngoài việc đóng cửa sở giao dịch ra, ông ta không còn lựa chọn nào khác. Hai giờ chiều, Morgan triệu tập khẩn cấp hội nghị các nhà ngân hàng, và trong vòng 16 phút, các nhà ngân hàng đã gom đủ tiền. Morgan lập tức cho người đến sở giao dịch chứng khoán tuyên bố sẽ mở rộng biên độ cho vay với lãi suất 10%, cả sở giao dịch ngay tức khắc vang lên một tràng hoan hô. Chỉ trong một ngày, nguồn vốn cứu trợ khẩn cấp đã hết veo, lãi suất lại bắt đầu sốt mạnh. Tám nhà ngân hàng và công ty ủy thác mua bán đã đóng cửa. Morgan vội tìm đến ngân hàng thanh toán New York, yêu cầu phát hành ngân phiếu định mức - một nguồn tiền tạm thời - để ứng phó với sự thiếu hụt hiện kim nghiêm trọng.

Thứ bảy ngày 2 tháng 11, Morgan bắt đầu triển khai kế hoạch mà ông đã nung nấu từ lâu nhằm cứu vãn công ty Mooreand Schley đang chao đảo trong mưa gió. Công ty này đã lún sâu vào khoản nợ 25 triệu USD, sắp phải đóng cửa. Nhưng công ty này lại là chủ nợ chính của Công ty Tennessee Coal and Iron Company, và nếu công ty này phải tuyên bố phá sản thì thị trường cổ phiếu New York sẽ hoàn toàn sụp đổ, hậu quả liên quan sẽ khó lường hết. Morgan cho mời tất cả các nhân vật tai to mặt lớn trong giới tài chính New York đến thư viện của ông, các nhà ngân hàng thương mại được bố trí trong phòng sách phía đông, trong khi ông tổng của công ty ủy thác mua bán được sắp xếp ở phòng sách phía tây, còn các nhà tài chính đứng ngồi không yên lo cho số phận của mình theo sự sắp xếp của Morgan.

Morgan thừa biết rằng nguồn tài nguyên khoáng sản và than đá của các bang Nash, Alabama, Georgia thuộc quyền nắm giữ của công ty Tennessee Coal and Iron Company sẽ giúp tăng cường vị thế bá chủ gang thép do Morgan dựng nên. Dưới sự chế ước của pháp lệnh chống lũng đoạn, Morgan không thể nuốt trôi miếng mỡ béo bở này, mà cuộc khủng hoảng lần này đã đem đến cho ông ta một cơ hội hiếm có. Điều kiện của Morgan là, để cứu vãn công ty Tennessee Coal and Iron Company cũng như cả ngành ủy thác mua bán, các công ty ủy thác mua bán cần phải huy

động nguồn vốn 25 triệu đô la đồng thời mua lại quyền nợ của Công ty khai khoáng và luyện thép Tennessee từ tay Moore và Schley. Cuối cùng, dưới áp lực phá sản cận kề và sự mệt mỏi do lo nghĩ, các ông chủ của các công ty đầu tư đã phải đầu hàng Morgan.

Ngay sau khi thu tóm được miếng mồi béo là Công ty Tennessee Coal and Iron này, Morgan vui mừng khôn xiết, nhưng vẫn còn một cửa ải cuối cùng phải vượt qua - tổng thống Roosevelt (cha), người luôn luôn phản đối tình trạng lũng đoạn. Tối chủ nhật ngày 3 tháng 11, Morgan phái người đến Washington ngay trong đêm với nhiệm vụ phải lấy được phê chuẩn của tổng thống trước khi thị trường cổ phiếu mở cửa vào sáng thứ hai. Ngân hàng khủng hoảng, hoàng loạt doanh nghiệp đóng cửa, người dân tức giận vì đã mất đi tất cả của cải. Điều này đã tạo nên sự khủng hoảng trong chính quyền khiến cho Roosevelt (cha) không thể không dựa vào sức mạnh của Morgan để ổn định đại cuộc, trong thời khắc cuối cùng, ông ta đã buộc phải đặt bút ký vào bản hạ thành liên minh. Khi đó chỉ còn 5 phút nữa là đến giờ thị trường cổ phiếu ngày thứ hai mở cửa!

Tin tức nhanh chóng lan khắp thị trường New York.

Morgan đã mua lại Công ty Tennessee Coal and Iron với giá siêu rẻ 45 triệu đô-la, trong khi giá trị thực của công ty này theo tính toán của John Moody ít nhất cũng khoảng 1 tỉ đô-la^[6]

Mỗi một cuộc khủng hoảng tài chính đều là định hướng chính xác cho sự bùng nổ những âm mưu đã nung nấu từ lâu, lâu đài tài chính mới tinh nguy nga rực rỡ luôn là được xây trên đồng hoang tàn đổ nát của hàng ngàn hàng vạn người phá sản.

[1] John Maynard Keynes, *Hậu quả kinh tế của Hòa bình (The Economic Consequences of the Peace)*, 1919.

[2] Alan Greenspan, *Vàng và Sự tự do kinh tế (Gold and Economic Freedom)*, 1966.

- [3] Murray N. Rothbard , *Keynes (Keynes, the Man)*.
 [4] Sách đã dẫn.
 [5] Sách đã dẫn.
 [6] Eustace Mullins, *Trật tự thế giới (The World Orde: A Study in the Hegemony of Parasitism)* - Staunton, Virginia : Ezra Pound Institute, 1985; Chương 3.

"Cục dự trữ liên bang Mỹ và các nhà tài phiệt ngân hàng nắm giữ cục dự trữ liên bang có thể dùng khả năng điều chỉnh lãi suất nhẹ nhàng để khiến cho giá thị trường dao động lên xuống một cách hài hòa như con lắc, cũng có thể điều chỉnh mạnh lãi suất để khiến cho giá cả thị trường dao động dữ dội, bất kể là tình hình nào, nó sẽ nắm giữ tin tức nội bộ của tình hình tài chính và biết trước sự thay đổi sắp đến của sự việc. Đây là điều mà không có một chính phủ nào có thể có được, quyền biết trước (thông tin thị trường) kỳ lạ nhất và nguy hiểm nhất mà giai cấp đặc quyền thiểu số nắm giữ. Hệ thống này là thuộc tư hữu, toàn bộ mục đích vận hành của nó chính là lợi dụng tiền của người khác để thu được lợi nhuận lớn nhất có thể. Họ biết được khi nào thì có thể tạo ra khủng hoảng để đạt đến tình hình có lợi nhất đối với họ. Tương tự, họ cũng biết phải dùng khủng hoảng vào lúc nào là thích hợp nhất. Khi tài chính được khống chế thì việc lạm phát tiền tệ và siết chặt tiền tệ đều có hiệu suất như nhau đối với mục đích của họ."

Hạ nghị sĩ Charles Lindbergh

TỪ CHẾ ĐỘ BẢN VỊ VÀNG ĐẾN TIỀN GIẤY -

BƯỚC CHUYỂN LỚN TRONG THẾ GIỚI QUAN CỦA CÁC NHÀ NGÂN HÀNG

Từ cuối thế kỷ 19, trong nhận thức của các nhà ngân hàng quốc tế đối với tiền bạc lại có thêm một sự khác biệt mới.

Châu Âu bước sang thế kỷ 20, các nhà tài phiệt ngân hàng đã tìm ra một thể chế tiền tệ pháp định hiệu quả cao hơn và cũng phức tạp hơn. Tiền tệ pháp định đã

thoát ly triệt để khỏi sự khống chế cứng rắn của vàng và bạc đối với tổng lượng tiền cho vay, khiến cho việc khống chế tiền tệ càng thêm mềm dẻo nhưng cũng kín đáo hơn. Trong khi hiểu được rằng lợi ích thu được từ việc tăng cường cung ứng tiền tệ vô hạn tồn thất hơn rất nhiều so với lợi tức các khoản vay mà lạm phát tiền tệ đem lại, các nhà ngân hàng bèn lập tức trở thành những người ủng hộ cuồng nhiệt nhất cho tiền tệ pháp định. Bằng việc phát hành thêm tiền với tốc độ nhanh mạnh, các nhà ngân hàng đã tước đoạt toàn bộ của cải giá trị nhất của dân chúng trên cả nước, mà so với phương thức ngân hàng cưỡng chế phát mãi tài sản của người khác, thì lạm phát tiền tệ “văn minh” hơn nhiều, đồng thời cũng ít gặp phải sự kháng cự của người dân hơn, thậm chí còn khó mà phát hiện ra.

Dưới sự tài trợ của các nhà ngân hàng, các nghiên cứu kinh tế học về lạm phát tiền tệ dần chuyển hướng sang quỹ đạo của trò chơi số học đơn thuần. Khái niệm lạm phát (Currency Inflation) do việc phát hành thêm tiền giấy gây nên đã hoàn toàn bị lý luận lạm phát giá cả (Price Inflation) che khuất.

Lúc này, ngoài chế độ dự trữ vàng cục bộ (Fractional Reserve) cũng như việc cắt đứt mối quan hệ giữa tiền tệ và công trái quốc gia, các nhà ngân hàng lại có thêm một công cụ lợi hại hơn: lạm phát tiền tệ (Currency Inflation). Từ đây, các nhà ngân hàng đã thực hiện sự chuyển biến đầy kịch tính từ người bảo vệ vàng trở thành kẻ thù không đội trời chung đối với vàng.

Bình luận của Keynes đối với lạm phát tiền tệ có thể nói là vô cùng sắc bén “Áp dụng biện pháp này, Chính phủ có thể tận thu toàn bộ của cải của người dân một cách bí mật mà khó bị phát giác, trong một triệu người thật khó có một người có thể phát hiện ra hành vi ăn cắp này.”

Nói một cách chính xác thì việc sử dụng biện pháp này ở Mỹ không phải là cục dự trữ liên bang Mỹ tư hữu mà là Chính phủ.

CUỘC TRANH CỬ TỔNG THỐNG NĂM 1912

Thứ Ba, vị hiệu trưởng của Trường Đại học Princeton sẽ trúng cử tổng đốc bang New Jersey của các bạn. Tháng 11 năm 1912, ông ta sẽ đắc cử tổng thống Hoa Kỳ. Tháng 3 năm 1917, ông ta sẽ tiếp tục tái đắc cử thêm một nhiệm kỳ nữa. Và đó sẽ là một trong những tổng thống vĩ đại nhất trong lịch sử Hoa Kỳ.

Bài phát biểu của Rabbi Stephen ở New Jersey năm 1910

Wise - người sau này trở thành cố vấn thân cận của tổng thống Wilson - có thể dự đoán chính xác kết quả tổng tuyển cử bầu tổng thống trước hai năm, thậm chí là kết quả bầu tổng thống của 6 năm sau, hoàn toàn không phải vì trong tay ông ta thật sự có một quả cầu thần kỳ của các phù thủy, mà bởi vì mọi kế hoạch đều là việc đã được các nhà ngân hàng vạch ra sẵn.

Không ngoài dự tính của các nhà ngân hàng quốc tế, quả thực cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1907 đã gây chấn động rất lớn đến xã hội Mỹ. Sự phẫn nộ của dân chúng đối với công ty đầu tư ủy thác, sự hoang mang đối với việc các ngân hàng đóng cửa, sự dè chừng và sợ hãi đối với thể lực của các ông trùm tài chính phố Wall hòa vào nhau tạo thành trào lưu phản đối mạnh mẽ mọi sự lũng đoạn tài chính đã cuốn cả nước Mỹ vào cuộc.

Woodrow Wilson - hiệu trưởng Trường đại học Princeton - chính là một phần tử sục sôi phản đối lại sự lũng đoạn tài chính đó. Frank Vanderlip - Chủ tịch National City Bank đã từng nói rằng: “Tôi viết thư mời Woodrow Wilson - hiệu trưởng Trường đại học Princeton tham gia một buổi dạ tiệc và phát biểu diễn thuyết. Để cho ông ta biết được đây là một cơ hội trọng đại, tôi đã nói rằng thượng nghị sĩ Aldrich cũng phải đến tham dự và phát biểu diễn thuyết. Câu trả lời của tiến sĩ Wilson đã khiến tôi kinh ngạc, ông ta đã thẳng thừng từ chối phát biểu diễn thuyết chung với thượng nghị sĩ Aldrich.”^[7]

Thượng nghị sĩ Aldrich khi đó là người rất có thể lực với 40 năm làm việc trong quốc hội nhưng có đến 36 năm ở vị trí thượng nghị sĩ, lại là Chủ tịch ủy ban

tài chính thượng viện có quyền lực rất lớn, bản thân là cha vợ của Johan Rockefeller con, có mối qua lại vô cùng mật thiết với giới ngân hàng phố Wall. Năm 1908, ông ta đã đề nghị rằng, trong tình huống khẩn cấp, ngân hàng có thể phát hành tiền tệ, và dùng phiếu công trái của Chính phủ liên bang, Chính phủ bang và Chính phủ địa phương cùng với phiếu công trái đường sắt làm tài sản thế chấp. Hay thật, rủi ro đã có Chính phủ và người dân căng đáng, còn chỗ ngon lành thì các nhà ngân hàng hưởng cả, điều này khiến người ta không thể không bội phục thủ đoạn của phố Wall. Cái đề án này được gọi là “Đạo luật tiền tệ khẩn cấp” (Emergency Currency Act), và trở thành cơ sở lập pháp cho đề án cục dự trữ liên bang Mỹ 5 năm sau đó. Thượng nghị sĩ Aldrich được coi là người phát ngôn của phố Wall.

Woodrow Wilson tốt nghiệp đại học Princeton năm 1879, sau đó học thêm ngành luật ở đại học Virginia, vào năm 1886 bảo vệ thành công luận án tiến sĩ ở đại học John Hopkins. Năm 1902, Woodrow Wilson chính thức trở thành hiệu trưởng đại học Princeton. Với học vấn uyên thâm, ông luôn phản đối mạnh mẽ sự lũng đoạn tài chính, và đương nhiên là không muốn gần gũi với người phát ngôn của các trùm tài chính. Mặc dù học cao hiểu rộng và có một trái tim bác ái, song, vị hiệu trưởng trường đại học Princeton cũng khó mà hiểu hết được kỹ xảo kiếm tiền của các nhà ngân hàng phố Wall.

Đám tài phiệt ngân hàng hiểu rõ rằng, Wilson là một người nổi tiếng chuyên phản đối sự lũng đoạn tài chính, một nhân tài với hình tượng trong sáng, và đó quả thật là một viên ngọc thuần khiết khó có được. Vì thế, các ông trùm nhà băng ngầm ngầm đổ tiền đầu tư vào Wilson, ra sức “đẻo gọt” hòng dùng ông vào việc lớn.

Cũng may là Cleveland Dodge - chủ tịch của ngân hàng đô thị quốc gia New York lại là bạn học của Wilson ở đại học Princeton. Năm 1902, việc Wilson nhậm chức hiệu trưởng của Princeton một cách thuận lợi chính là kết quả của sự hỗ trợ to lớn về tài chính của Dodge. Có được một mối quan hệ không đơn giản như vậy,

dưới sự sắp đặt của các nhà tài phiệt ngân hàng, Dodge bắt đầu loan tin ở phố Wall rằng Wilson được dự đoán sẽ trở thành tổng thống tương lai.

Một người mới nhậm chức hiệu trưởng được mấy năm mà đột nhiên có người tung hô là tổng thống tương lai, thì việc mừng thầm cũng là chuyện thường tình của con người. Đương nhiên, việc được tung hô như vậy luôn phải trả giá. Wilson bắt đầu quay lưng với phong trào phản đối lũng đoạn tài chính và xích gần lại với phố Wall. Quả nhiên, dưới sự ủng hộ của các ông chủ phố Wall, Wilson nhanh chóng trở thành thống đốc của bang New Jersey vào năm 1910.

Trong những trường hợp công khai, Wilson vẫn nghiêm khắc chỉ trích phố Wall lũng đoạn tài chính, nhưng trong lòng ông ta cũng hiểu rằng địa vị và tiền đồ chính trị của ông ta sẽ phải hoàn toàn dựa vào thế lực của các nhà ngân hàng. Các nhà ngân hàng khoan dung và kiềm chế một cách lạ thường trước sự đả kích của Wilson, hai bên đã duy trì một sự hiểu ngầm khéo léo mà chẳng cần phải nói ra.

Trong khi uy tín và thanh danh của Wilson ngày càng lên cao, các nhà ngân hàng đã nâng trống kéo cờ gây quỹ tranh cử tổng thống cho ông. Dodge thành lập một văn phòng quyên quỹ tranh cử cho Wilson tại số 42 đại lộ Broadway New York, đồng thời mở tài khoản ở ngân hàng, và Dodge đã góp một tấm chi phiếu trị giá 1000 đô-la. Bằng phương thức chuyển phát nhanh, Dodge đã quyên góp được một khoản kinh phí cực lớn từ các nhà tài phiệt ngân hàng, và 2/3 nguồn kinh phí trong tổng số quyên góp được đều do 7 nhà tài phiệt ngân hàng lớn nhất phố Wall đóng góp. ^[8]

Sau khi được đề cử tranh cử tổng thống, trong niềm vui khó kiềm chế nổi, Wilson đã viết thư cho Dodge và nói rằng “Thật là không thể tưởng tượng niềm vui của tôi”. Từ đây, Wilson đã hoàn toàn dốc sức cho hoài bão của các nhà ngân hàng. Với tư cách là người tham gia tranh cử của đảng dân chủ, Wilson đã mang trên vai mình trọng trách cùng niềm hy vọng vô cùng của đảng này, con khát quyền lực của

đảng dân chủ vốn đã mất chiếc ghế tổng thống trong nhiều năm cũng chẳng khác gì cơn khát của Wilson.

Thách thức lớn nhất lúc này của Wilson chính là đương kim tổng thống Taft – người khi đó còn chưa được biết đến trên toàn quốc – và so với Wilson thì rõ ràng đương kim tổng thống Taft có lợi thế hơn rất nhiều. Trong khi Taft đang tự tin chuẩn bị bước vào nhiệm kỳ tổng thống thứ hai và tỏ ý chưa sẵn sàng bật đèn xanh cho đạo luật của Aldrich thì một sự việc kỳ lạ chưa từng thấy đã xảy ra: cựu tổng thống Roosevelt (cha) - người tiền nhiệm của Taft đã đột nhiên chen ngang, ra tham gia tranh cử tổng thống, thật là họa vô đơn chí cho Taft của đảng cộng hòa lẫn người “thay ca” do Roosevelt (cha) lựa chọn. Năm đó Roosevelt (cha) nhờ ép buộc cơ quan chứng khoán miền bắc giải thể mà tiếng tăm lừng lẫy, và được tiếng là cương quyết với nạn lũng đoạn, và sự xuất hiện đột ngột của ông ta sẽ xâm hại nghiêm trọng đến phiếu bầu của Taft.

Trên thực tế, sau lưng của ba ứng cử viên này đều có sự ủng hộ của các nhà tài phiệt ngân hàng. Dưới sự dàn xếp của phố Wall, Roosevelt (cha) quả nhiên “không cẩn thận” đã gây hại nặng nề cho Taft, khiến Wilson trúng cử thuận lợi. Màn kịch này tuy khúc điệu có khác nhưng cách diễn thì lại hay như màn kịch của năm 1992 khi mà Bush cha bị Perry cướp mất một lượng lớn phiếu bầu mà thất bại bất ngờ trước đối thủ mới Clinton.

AI NẪM GIỮ CỤC DỰ TRỮ LIÊN BANG MỸ?

Nhiều năm nay, vấn đề ai đang nắm giữ Cục dự trữ liên bang Mỹ vẫn luôn là một đề tài kín như bưng. Bản thân Cục dự trữ liên bang Mỹ thì luôn quanh co úp mở. Giống như ngân hàng Anh quốc, Cục dự trữ liên bang Mỹ cũng giữ kín thông tin về các cổ đông. Hạ nghị sĩ Wright Patman đảm nhận chức chủ tịch ngân hàng Hạ viện và ủy ban tiền tệ đến 40 năm, trong đó có 20 năm liền ông không ngừng đề xuất phương án phế bỏ Cục dự trữ liên bang Mỹ, và ông cũng luôn để ý đến vấn đề rốt cuộc ai đang nắm giữ Cục dự trữ liên bang Mỹ.

Bí mật này cuối cùng đã được hé lộ. Eustace Mullins - tác giả cuốn sách “Bí mật của Cục dự trữ liên bang Mỹ” (Secrets of Federal Reserve) - đã trải qua hơn nửa thế kỷ nghiên cứu và thu thập được 12 giấy phép kinh doanh (Organization Certificates) sớm nhất của ngân hàng Cục dự trữ liên bang Mỹ, trên đó ghi rõ ràng giá trị mỗi một cổ phần cấu thành của Cục dự trữ liên bang.

Ngân hàng New York của cục dự trữ liên bang Mỹ là ngân hàng không chế thực tế của hệ thống Cục dự trữ liên bang Mỹ, tổng lượng cổ phần phát hành theo đăng ký trong văn bản gửi cơ quan kiểm toán ngày 19 tháng 5 năm 1914 là 203053 cổ phần, trong đó:

- *Ngân hàng National City Bank of New York dưới sự không chế của công ty Rockefeller và Kuhn Loeb, tức là tiền thân của ngân hàng Hoa Kỳ, nắm giữ số cổ phần lớn nhất, giữ 30.000 cổ phần.*

- *Ngân hàng First National Bank của Morgan nắm giữ 15000 cổ phần.*

Sau khi sáp nhập vào năm 1955 thành ngân hàng Hoa Kỳ, hai công ty đã nắm giữ gần ¼ số cổ phần của ngân hàng New York thuộc Cục dự trữ liên bang Mỹ, và trên thực tế, nó đã quyết định chiếc ghế chủ tịch của Cục dự trữ liên bang, việc tổng thống Mỹ bổ nhiệm chức chủ tịch chỉ là một hình thức sơ sài mà thôi, còn việc lấy ý kiến quốc hội lại càng giống một màn kịch lướt qua.

- *Ngân hàng thương mại quốc gia New York (National Bank of Commerce of New York City) của Paul Wahlberg nắm giữ 21000 cổ phần.*

- *Ngân hàng Hanover Bank của dòng họ Rothschild đảm nhận chức chủ tịch với quyền sở hữu 10.200 cổ phần.*

- *Ngân hàng Chase National Bank nắm giữ 6000 cổ phần.*

Ngân hàng Chemical Bank nắm giữ 6000 cổ phần.

Tổng cộng sáu ngân hàng này đã nắm giữ 40% cổ phần ngân hàng New York thuộc Cục dự trữ liên bang Mỹ, đến năm 1983, họ đã nắm giữ tổng cộng là 53% lượng cổ phần. Sau khi điều chỉnh, tỉ lệ nắm giữ cổ phần của họ là: Ngân hàng Hoa Kỳ 15%, Chase Manhattan 14%, Morgan Guaranty Trust 9%, Manufacturers Hanover 7%, Chemical Bank 8%. ^[11]

Tổng vốn đăng ký của ngân hàng New York thuộc Cục dự trữ liên bang Mỹ là 143 triệu đô-la, nhưng việc các ngân hàng kể trên có chi ra khoản tiền này hay không vẫn là một câu đố. Có một số nhà sử học cho rằng các ngân hàng chỉ chi ra một nửa hiện kim, trong khi một số nhà sử học khác thì cho rằng, về cơ bản, các ngân hàng không chi ra bất cứ hiện kim nào mà chỉ dùng hối phiếu để chi ra, và trên tài khoản của Cục dự trữ liên bang Mỹ mà bản thân họ đang sở hữu chỉ là sự biến động của mấy con số mà thôi, còn sự vận hành của Cục dự trữ liên bang Mỹ thực ra chính là việc “dùng giấy thế chấp phát hành ra giấy”. Chẳng thế mà một nhà sử học đã mỉa mai rằng hệ thống ngân hàng dự trữ liên bang không mang tính chất “liên bang”, cũng chẳng có “dự trữ”, và cũng không phải là ngân hàng nổi.

Ngày 15 tháng 6 năm 1978, Ủy ban Đối ngoại của Chính phủ thượng nghị viện Mỹ (Government Affairs) đã công bố báo cáo về lợi tức của các công ty chủ chốt của nước Mỹ. Báo cáo này cho thấy rằng, 470 vị trí thành viên hội đồng quản trị là do người của các ngân hàng kể trên nắm giữ đến từ 130 công ty chủ yếu nhất của Mỹ, tính bình quân tại mỗi một công ty chủ chốt có 3,6 ghế trong hội đồng quản trị thuộc về các nhà ngân hàng.

Trong đó, ngân hàng Hoa Kỳ đã không chế 97 ghế hội đồng quản trị; công ty JP Morgan - 99 ghế; Ngân hàng Chemical - 96 ghế; Chase Manhattan - 89 ghế; Hanover De - 89 ghế.

Ngày 3 tháng 9 năm 1914, khi Cục dự trữ liên bang Mỹ quyết định bán cổ phần ra công chúng, thời báo New York đã công bố cơ cấu cổ phần của các ngân hàng chủ yếu như sau:

- *National City Bank đã phát hành 250.000 cổ phiếu, James Stillman nắm giữ 47.498 cổ phần; công ty JP Morgan nắm giữ 14.500 cổ phần; William Rockefeller nắm giữ 10.000 cổ phần; John Rockefeller nắm giữ 1750 cổ phần.*
- *Ngân hàng thương mại quốc gia New York đã phát hành 250.000 cổ phiếu, George Berk nắm giữ 10.000 cổ phiếu; công ty JP Morgan - 7800 cổ phần; Mary Hariman - 5650 cổ phần; Paul Wahlberg - 3000 cổ phần; Jacob Schiff - 1000 cổ phần, JP Morgan con - 1000 cổ phần.*
- *Ngân hàng Chase, George Berk nắm giữ 13408 cổ phiếu.*
- *Ngân hàng Hanover, James Still nắm giữ 4000 cổ phần; William Rockefeller nắm giữ 1540 cổ phần.*

Kể từ khi thành lập vào năm 1913 đến nay, Cục dự trữ liên bang đã cho thấy một sự thật không thể bao biện rằng các nhà ngân hàng đang thao túng mạch máu tài chính, mạch máu công thương nghiệp và mạch máu chính trị của nước Mỹ. Hơn thế nữa, các nhà ngân hàng của phố Wall đều có mối quan hệ mật thiết với dòng họ Rothschild của thành London.

Benjamin Strong - CEO của Bankers Trust - được chọn làm chủ tịch hội đồng quản trị của ngân hàng New York thuộc Cục dự trữ liên bang Mỹ khóa thứ nhất. “Dưới sự khống chế của Strong, hệ thống dự trữ liên bang đã hình thành mối quan hệ khăng khít chặt chẽ với ngân hàng Anh quốc và ngân hàng France. Benjamin Strong giữ chức chủ tịch ngân hàng Cục dự trữ liên bang Mỹ ở New York mãi đến năm 1928 thì đột ngột tử vong, trong khi quốc hội đang điều tra hội nghị bí

mật của hội đồng quản trị Cục dự trữ liên bang cũng như giới chóp bu của ngân hàng trung ương châu Âu, và những hội nghị bí mật này đã dẫn đến cuộc đại suy thoái năm 1929.”^[12]

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KHÓA MỘT CỦA CỤC DỰ TRỮ LIÊN BANG MỸ

Về sau, Wilson đã tự thừa nhận rằng, ông ta chỉ được phép chỉ định một thành viên trong hội đồng quản trị của Cục dự trữ liên bang Mỹ, và các thành viên còn lại đều do các nhà ngân hàng của New York lựa chọn. Trong quá trình đề cử và bổ nhiệm Paul Wahlberg vào vị trí chủ tịch hội đồng quản trị, thượng nghị viện yêu cầu ông phải có mặt tại quốc hội để trả lời chất vấn vào tháng 6 năm 1914, chủ yếu là tìm hiểu vai trò của ông trong quá trình soạn thảo dự luật Cục dự trữ liên bang, nhưng rốt cuộc, Paul đã từ chối thẳng thừng. Trong thư gửi cho quốc hội, ông tuyên bố rằng việc trả lời bất cứ chất vấn nào theo yêu cầu đều có thể sẽ ảnh hưởng đến vai trò của ông trong hội đồng quản trị Cục dự trữ liên bang, vì vậy ông quyết định từ chối việc tiếp nhận đề cử vào chức chủ tịch hội đồng quản trị Cục dự trữ liên bang Mỹ. Thời báo New York ngay lập tức lên tiếng minh oan cho Paul, và trong số báo ngày 10 tháng 7 năm 1914, tờ báo này đã chỉ trích thượng nghị viện không nên chất vấn Paul một cách hồ đồ như vậy.

Hiển nhiên Paul là nhân vật trung tâm của Cục dự trữ liên bang Mỹ. Nếu không có ông, chắc chẳng có người thứ hai nào biết được Cục dự trữ liên bang Mỹ rốt cuộc vận hành như thế nào. Đối mặt với thái độ cứng rắn của ông, quốc hội chỉ còn cách gặt đầu và đưa ra một danh sách các câu hỏi trước khi ông nhậm chức, và nếu như có câu hỏi nào Paul cảm thấy “sẽ ảnh hưởng đến vai trò của mình”, ông ta có thể không trả lời, và cuối cùng thì Paul đã đành miễn cưỡng đồng ý, nhưng yêu cầu được gặp mặt phi chính thức.

Ủy ban hỏi: Tôi biết ngài là người của Đảng Cộng hòa, nhưng ngay khi Roosevelt tham gia tranh cử thì ngài lại trở thành người đồng tình và ủng hộ của Wilson (Đảng Dân chủ)?

Paul đáp: Đúng vậy.

Ủy ban hỏi: Nhưng anh (Felix Warburg) của ngài lại ủng hộ Taft (Đảng Cộng hòa)?”

Paul đáp: Đúng vậy. ^[13]

Điều thú vị là, ba cổ đông của công ty Kuhn Loeb lại ủng hộ ba người khác nhau ra tranh cử tổng thống, trong số đó Otto Kahn ủng hộ Roosevelt cha. Giải thích của Paul là ba người này không can thiệp vào quan điểm chính trị của nhau, bởi vì “tài chính và chính trị không liên quan đến nhau”.

Paul vượt qua cuộc điều trần của quốc hội một cách thuận lợi, trở thành chủ tịch thứ nhất của cục dự trữ liên bang Mỹ, sau đó trở thành phó chủ tịch hội đồng quản trị.

Ngoài Paul ra, bốn thành viên khác của hội đồng là:

- *Adolph Miller, nhà kinh tế học, xuất thân từ đại học Chicago do Rockefeller tài trợ và đại học Havard do Morgan tài trợ.*
- *Charles Hamlin, từng đảm nhiệm chức trợ lý bộ trưởng tài chính.*
- *Frederick Delano, thông gia của Roosevelt, nhà ngân hàng đường sắt.*
- *W.P.G Harding Chủ tịch First National Bank of Atlanta.*

Thomas D. Jones được tổng thống Wilson đích thân tiên cử đã bị bộ tư pháp Mỹ điều tra và khởi tố, về sau tự rút lui khỏi hội đồng quản trị.

Hai thành viên khác là bộ trưởng tài chính và kiểm toán viên tiền tệ.

ỦY BAN TƯ VẤN LIÊN BANG (FEDERAL ADVISORY COUNCIL)

Ủy ban tư vấn liên bang là một chiếc camera bí mật được Paul Wahlberg dày công thiết kế để không chế hội đồng quản trị Cục dự trữ liên bang Mỹ. Trong quá trình vận hành hơn 90 năm của Cục dự trữ liên bang, Ủy ban tư vấn liên bang đã thực hiện một cách hết sức xuất sắc ý tưởng năm đó của Paul, hầu như chưa có ai để ý cơ cấu này và sự vận hành của nó, cũng chưa có nhiều công trình nghiên cứu đáng tin cậy.

Năm 1913, hạ nghị sĩ Grasse đã ra sức quảng cáo cho ủy ban tư vấn liên bang. Ông ta nói: “Ở đây không thể có thứ gì gian ác. Mỗi năm (hội đồng quản trị cục dự trữ liên bang) sẽ hội đàm bốn lần với ủy ban tư vấn của các nhà ngân hàng, mỗi một thành viên đại diện cho cục dự trữ liên bang địa phương nơi mình sống. Chúng ta còn có thể bảo vệ lợi ích của công chúng tốt hơn sự sắp đặt này không?” Bản thân hạ nghị sĩ chính là Grasse – một nhà ngân hàng, và ông ta không giải thích hoặc cung cấp bất cứ chứng cứ nào cho thấy các nhà ngân hàng đã từng bảo vệ lợi ích gì của công chúng trong lịch sử của nước Mỹ.

Ủy ban tư vấn liên bang do 12 nhà ngân hàng địa phương thuộc cục dự trữ liên bang tiến cử hợp thành, mỗi năm hội đàm bốn lần với thành viên của hội đồng quản trị cục dự trữ liên bang Mỹ ở Washington. Các nhà ngân hàng đã đề xuất “kiến nghị” chính sách tiền tệ cho các thành viên hội đồng quản trị của cục dự trữ liên bang Mỹ, mỗi một đại biểu đại diện cho lợi ích kinh tế của địa phương mình, mỗi người đều có quyền bỏ phiếu như nhau, đơn giản mà hoàn toàn kín kẽ về lý thuyết, nhưng trong sự khốc liệt tàn bạo của ngành ngân hàng thì đó hoàn toàn lại là một bộ “quy tắc ngầm” khác.

Thật khó tưởng tượng được tại sao một nhà ngân hàng nhỏ của Cincinnati ngồi chung một bàn hội nghị với các trùm tài chính quốc tế như Paul Wahlberg, Morgan để đề xuất “kiến nghị chính sách tiền tệ” với các ông trùm tài chính này? Chỉ cần tiện tay móc trong túi ra một tấm chi phiếu rồi ngoạch lên đó hai nét bút thì

bất cứ ai trong số hai ông trùm tài chính này cũng đủ khiến cho các nhà ngân hàng nhỏ khuynh gia bại sản. Trên thực tế, sự sinh tồn của mỗi một nhà ngân hàng nhỏ trong số 12 khu vực liên bang đều hoàn toàn phụ thuộc và sự ban ơn của 5 ngân hàng lớn ở phố Wall. Năm ông trùm này có ý đem đa số các giao dịch lớn với các ngân hàng châu Âu để chuyển thành các giao dịch nhỏ lẻ cho các “ngân hàng vệ tinh” trong các khu vực của mình đi xử lý. Và càng có được những thương vụ béo bở thì “các ngân hàng vệ tinh” càng thêm phục tùng nghe theo các ông trùm kia, đương nhiên năm ông trùm kia cũng có quyền nắm giữ cổ phần của những ngân hàng nhỏ này. Nói chung chúng ta không cần phải tưởng tượng nhiều cũng có thể biết được kết quả mỗi khi các ngân hàng nhỏ “đại diện cho lợi ích khu vực của mình” này cùng nhau thảo luận chính sách tiền tệ của Mỹ với năm ông trùm tài chính kia.

Cho dù “kiến nghị” của ủy ban tư vấn liên bang chẳng có sức trói buộc lắm đối với việc quyết sách của hội đồng quản trị Cục dự trữ liên bang, nhưng đều đặn mỗi năm bốn lần, các nhà ngân hàng không ngại khổ cực vi hành đến Washington để hội họp với năm ông trùm phố Wal. Có phải họ đến Washington chỉ để gặp gỡ trà nước với năm nhà tài phiệt đó? Nên nhớ rằng, những con người vô cùng bận rộn cùng lúc phải kiêm nhiệm chức chủ tịch hội đồng quản trị của 63 công ty như Morgan, nếu như sự “kiến nghị” của họ không nhận được bất cứ sự suy xét nào, mà họ vẫn vui vẻ bôn ba đi về, đó thực sự là điều hết sức kỳ lạ.

CHÂN TƯỚNG Ở ĐÂU?

Tuyệt đại đa số người Mỹ hoàn toàn không thể hiểu được chính xác phương thức vận hành của các thể chế cho vay quốc tế. Sổ sách của cục dự trữ liên bang Mỹ vốn dĩ chưa từng được kiểm tra. Nó hoàn toàn được vận hành bên ngoài phạm vi khống chế của quốc hội, và nó đang thao túng (cung ứng) tín dụng của nước Mỹ.

Thượng nghị sĩ Barry Goldwater

Để tạo ra giá cao, Cục dự trữ liên bang Mỹ chỉ cần hạ thấp lãi suất xuống, nhằm mở rộng hoạt động tín dụng và tạo nên một thị trường cổ phiếu phồn vinh. Ngay sau khi ngành công thương đã quen với môi trường lãi suất như vậy, Cục dự trữ liên bang Mỹ lại quyết định nâng cao lãi suất một cách tùy ý nhằm chấm dứt sự phồn vinh này.

Nó (cục dự trữ liên bang Mỹ và các nhà ngân hàng nắm giữ cục dự trữ liên bang) có thể dùng khả năng điều chỉnh lãi suất nhẹ nhàng để khiến cho giá thị trường dao động lên xuống một cách hài hòa như con lắc, cũng có thể điều chỉnh mạnh lãi suất để khiến cho giá cả thị trường dao động dữ dội, bất kể là tình hình nào, nó sẽ nắm giữ tin tức nội bộ của tình hình tài chính và biết trước sự thay đổi sắp đến của sự việc.

Đây là điều mà không có một chính phủ nào có thể có được, quyền biết trước (thông tin thị trường) kỳ lạ nhất và nguy hiểm nhất mà giai cấp đặc quyền thiểu số nắm giữ. Hệ thống này là thuộc tư hữu, toàn bộ mục đích vận hành của nó chính là lợi dụng tiền của người khác để thu được lợi nhuận lớn nhất có thể. Họ biết được khi nào thì có thể tạo ra khủng hoảng để đạt đến tình hình có lợi nhất đối với họ. Tương tự, họ cũng biết phải dùng khủng hoảng vào lúc nào là thích hợp nhất. Khi tài chính được khống chế thì việc lạm phát tiền tệ và siết chặt tiền tệ đều có hiệu suất như nhau đối với mục đích của họ.

Hạ nghị sĩ Charles Lindbergh

Mỗi một đồng chứng chỉ cục dự trữ liên bang Mỹ (Federal Reserve Note) đều đại diện cho một khoản nợ chưa trả của một đồng đô-la của cục dự trữ liên bang Mỹ.

Báo cáo tiền tệ, ngân hàng hạ viện và ủy ban tiền tệ

Ngân hàng khu vực của cục dự trữ liên bang Mỹ không phải là cơ cấu chính phủ, mà là công ty độc lập, do tư nhân nắm giữ và địa phương kiểm soát.

Lewis và chính phủ Mỹ, 9th Circuit 1982

Cục dự trữ liên bang Mỹ là một trong những cơ cấu hủ bại nhất trên thế giới. Những người có thể nghe chúng ta nói (diễn thuyết của quốc hội), chẳng có ai biết được trên thực tế quốc gia của chúng ta đang bị các nhà ngân hàng quốc tế thống trị. Có một số người cho rằng ngân hàng cục dự trữ liên bang Mỹ là cơ cấu của chính phủ Mỹ. Chúng (ngân hàng cục dự trữ liên bang Mỹ) không phải là cơ cấu chính phủ. Chúng là cơ cấu lũng đoạn hoạt động tín dụng của tư hữu, cục dự trữ liên bang Mỹ đang bóc lột nhân dân Mỹ vì lợi ích của bản thân chúng và những kẻ bịp bợm ngoại quốc.

Hạ nghị sĩ Louis McFadden

Khi bạn và tôi viết chi phiếu, trong tài khoản của chúng ta cần phải có đủ tiền để bảo đảm cho kim ngạch của chi phiếu. Thế nhưng, khi cục dự trữ liên bang Mỹ xuất chi phiếu, trong tài khoản của nó chẳng có bất cứ món tiền nào để bảo đảm. Khi xuất chi phiếu chính là lúc Cục dự trữ liên bang Mỹ sáng tạo ra tiền tệ.

Ngân hàng cục dự trữ liên bang Mỹ Boston

Từ năm 1913 đến năm 1949, nguồn vốn của cục dự trữ liên bang Mỹ từ 143 triệu đô-la tăng vọt lên 45 tỉ đô-la. Số tiền này trực tiếp chảy vào hầu bao của các cổ đông ngân hàng Cục dự trữ liên bang Mỹ.

L'Estaque Mullins

Rất nhiều vị tổng thống đã đưa ra lời cảnh báo về sự đe dọa của quyền lực tiền tệ. Nhiều ghi chép của quốc hội và các án lệ pháp luật đã nói rõ ràng tính chất tư hữu của cục dự trữ liên bang Mỹ, nhưng có bao nhiêu người dân Mỹ, người dân Trung Quốc và người dân của các quốc gia khác biết được điều này? Đây mới là điểm đáng sợ của vấn đề! Chúng ta cho rằng giới truyền thông uy quyền của phương tây “tự do công bằng” sẽ phơi bày chân tướng tất cả, nhưng mọi chân tướng

trên thực tế đều bị giới truyền thông “bỏ qua” một cách cố ý. Vậy còn sách giáo khoa của nước Mỹ thì sao? Vốn dĩ các loại sách giáo khoa của Mỹ đều lấy việc lựa chọn những “nội dung lành mạnh” cho thế hệ sau mà bỏ qua các loại quỹ mang danh nghĩa của các nhà ngân hàng quốc tế.

Trước qua đời, khi tổng thống Wilson đã thừa nhận rằng mình đã bị lừa dối trong các vấn đề liên quan đến Cục dự trữ liên bang Mỹ. Ông đã day dứt khi nói rằng “tôi đã vô ý hủy hoại tổ quốc mình”.

Khi cục dự trữ liên bang Mỹ chính thức đi vào hoạt động ngày 25 tháng 10 năm 1914, cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã bùng nổ. Lại một sự “trùng hợp” hoàn hảo về thời gian! Các cổ đông của Cục dự trữ liên bang Mỹ đang hồ hởi chờ một một mẻ cá lớn!